

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 333, NĂM THỨ 27

THÁNG 4-2022



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Những tôn giáo lớn trên Thế giới hiện nay</u>	BBT	3
<u>Thiền Định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Câu chuyện thật của một Bs Tâm Thần</u>	Th. Tâm Quang dịch	6
<u>Pháp Cú: 384 Ph. Bà La Môn</u>	HT. Thích Minh Châu dịch	11
<u>Thơ; Biển cả tình mẹ cho</u>	Hoang Phong	11
<u>Vài nét về Đức Huỳnh Giáo Chủ</u>	Theo Web PGHH HN	12
<u>Bất kỳ bạn ở đâu, Giác ngộ ở đó</u>	Shunrya Suzuki	15
<u>Tại sao chúng sanh lại điên đảo ?</u>	HT. Tuyên Hóa	18
<u>Hạnh Bồ Thí</u>	Theo Vườn Hoa Phật Giáo	21
<u>Đạo Phật Ngày Nay</u>	Thích Nhất Hạnh	27
<u>Hư Hư Lục: Chiếc lu vô tận</u>	Thích Nữ Như Thủy	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Những tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay

Người ta sinh ra ở trên đời, hầu hết đều có thể phân chia thành 2 thành phần; Những người có tín ngưỡng và những người không có tín ngưỡng tôn giáo.

Có khoảng 10.000 tôn giáo khác nhau trên thế giới, có những tôn giáo có nhiều tín đồ, ngược lại có những tôn giáo ít tín đồ, khoảng 84% dân số thế giới theo một trong năm nhóm tôn giáo lớn nhất, đó là Kitô giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo và các dạng tôn giáo dân gian.

Những tôn giáo có nhiều tín đồ như Kitô giáo (thuật ngữ phiên âm) hay Cơ Đốc giáo (thuật ngữ Hán Việt) là một trong các tôn giáo khởi nguồn từ Abraham, Kitô hữu (Cơ Đốc nhân) tin rằng Giêsu là Con của Thiên Chúa và là Đấng Messiah của người Do Thái. Kitô giáo là tôn giáo lớn nhất thế giới với khoảng 2,3 tỉ tín hữu, chiếm hơn 31% dân số thế giới (năm 2015)

Đạo Hồi (hay còn gọi là Hồi giáo) là tôn giáo nằm trong nhóm Abraham, có xuất xứ từ Ả Rập. Trong đạo Hồi thì đạo Hồi dòng Sunni chiếm đến 70-90%. Đạo Hồi được thành lập do nhà tiên tri Muhammad - người được những giáo đồ tin rằng đã nhận mặc khải của Allah Đấng Tối Cao - vị thần duy nhất theo đạo Hồi. Số lượng giáo đồ: 1,8 tỷ người. Quốc gia chính: Trung Đông, Bắc Phi, Trung Á, Nam Á, Tây Phi, Đông Phi, Nam Á, Đông Nam Á, Albania, một phần lãnh thổ Nga, các tỉnh phía tây Trung Quốc

Ấn Độ giáo hay còn gọi gọi là Ấn giáo hay Hindu giáo là tên chỉ những nhánh tôn giáo chính có tương quan với nhau và hiện còn tồn tại ở Ấn Độ. Khoảng 80% người Ấn Độ tự xem mình là người theo Ấn Độ giáo và người ta cho rằng, có khoảng 30 triệu người theo Ấn Độ giáo sống tại hải ngoại. Số lượng giáo đồ: 900 triệu người. Quốc gia chính: Nam Á, Đông Nam Á, Fiji, Guyana, Mauritius.

Đạo giáo (tiếng Trung: 道教) là một trong Tam giáo tồn tại từ thời Trung Quốc cổ đại, song song với Nho giáo và Phật giáo. Ba truyền thống tư tưởng nội sinh (Nho-Lão) và ngoại nhập (Phật) này đã ảnh hưởng rất lớn đến nền tảng văn hoá dân tộc Trung Quốc. Số lượng giáo đồ: 400 triệu người. Quốc gia chính: Trung Quốc, Singapore, Malaysia và cộng đồng người Hoa hải ngoại, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Đạo Phật được hình thành từ khoảng thế kỷ 6 TCN, khi Siddhartha Gautama - hoàng tử thành quốc Kapilavastu của Ấn Độ cổ đại (nay thuộc Nepal) vì nhận ra sự khổ trong cuộc sống đã lên đường tìm cách diệt khổ. Siddhartha hành khất khắp nơi và cuối cùng đã giác ngộ, được tôn xưng là Shakyamuni (Thích-Ca-Mâu-Ni), nghĩa là "Bậc thức giả vĩ đại" hoặc cũng gọi là Buddha (Phật), nghĩa là "Người giác ngộ". Số lượng giáo đồ: 365 triệu (tín đồ chính thức) 1,2-1,6 tỷ (tính cả tín đồ không chính thức) Quốc gia chính: Đông Á và Ấn Độ, một số nước Đông Nam Á

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 20

Tôi cầu mong giải tỏa được mọi khó khăn cho tất cả chúng sinh

Đại nguyện thứ nhất trong số bốn đại nguyện là "tôi cầu mong giải tỏa được mọi khó khăn cho tất cả chúng sinh", dù đại nguyện đó có siêu việt đến đâu đi nữa thì cũng phải bắt đầu từ một khởi điểm mang tính cách thực dụng (*có nghĩa là giúp đỡ kẻ khác một cách trực tiếp và cụ thể trước các khó khăn cấp bách và thường nhật của họ. Chữ "khó khăn" nêu lên trong đại nguyện thứ nhất trên đây là những thứ khó đau và vướng mắc thường tình trong cuộc sống thế tục: đói nghèo, ốm đau, tù tội, ức hiếp, bất công, chiến tranh, hận thù, tuyệt vọng, kể cả các ước mơ và hy vọng hảo huyền*). Thật vậy, trước hết nên bắt đầu bằng các sự giúp đỡ thiết thực. Tất cả mọi người đều có thể giúp đỡ kẻ khác một cách cụ thể và thực tế. Sở dĩ chúng ta không đủ sức nghĩ đến kẻ khác cũng là vì chúng ta không nhận thấy được các khó khăn do hoàn cảnh tạo ra cho họ. Chúng ta thường nghĩ quá nhiều đến quyền lợi và sở thích của cá nhân mình, nhưng không hề trông thấy các nhu cầu và cảm xúc của kẻ khác. Chúng ta phải biết nghĩ đến kẻ khác, phải vận dụng trí tưởng tượng của mình để tự đặt mình vào hoàn cảnh của họ.

Truyền thống và thói quen lâu đời cũng có thể là nguyên nhân tạo ra tình trạng thiên cận chỉ biết nghĩ đến bản thân mình, các sở hữu của mình, quyền lợi của mình, khiến

mình quên mất các cách cư xử tử tế sơ đẳng nhất của con người. Do vậy, trước hết chúng ta phải tạm gác sang một bên bản phận khai mở tâm linh cho kẻ khác. Đồng thời cũng không nên nghĩ rằng mình phải thực thi một hành động thật oai hùng nào đó, dù cho hoàn cảnh chung quanh đôi khi cũng đòi hỏi mình phải thực hiện một hành động đại loại như thế. Chúng ta hãy cứ bắt đầu với các sự quan tâm nhỏ nhỏ trong cuộc sống. Trong lúc đang nấu cơm chẳng hạn, cũng không được phép quên là mình còn mượn một quyền sách chưa trả, hoặc phải ý thức là không nên đóng sập một cánh cửa mạnh, những điều nhỏ nhặt đó cũng có thể khiến cuộc sống của kẻ khác nặng nề thêm. Thói thường chúng ta chỉ quan tâm đến những gì mình muốn nhưng không nghĩ đến những gì mà kẻ khác có thể làm được cho mình. Tuy nhiên cũng phải dè dặt, không nên quá bắt chước một người bò-tát khiến mình phải cố gắng tìm đủ mọi cách để tạo ra dịp giúp đỡ kẻ khác, tương tự như một hướng đạo sinh. Giúp đỡ kẻ khác không có nghĩa là trực tiếp xen vào chuyện của người khác (*dừng lại, lùi bước hay tránh sang một bên để nhường một chút không gian cho kẻ khác trong cuộc sống của họ, cũng là một hình thức giúp đỡ kín đáo và hữu hiệu*). Chúng ta thường nghĩ rằng phải giúp đỡ kẻ khác thật nhiều, phải phát động metta (lòng từ tâm) để nghĩ đến họ một cách tích cực, thế nhưng đôi khi chỉ cần đơn giản biến nội tâm mình trở nên tích cực và hừng khởi hơn, sống thật với sự tu tập của mình, cũng đủ để tạo ra một cơ hội giúp đỡ kẻ khác, nhưng chính mình không

hề hay biết về sự giúp đỡ đó (đạo đức, thanh thân, chú tâm, nhìn vào sự tu tập trên thân xác và trong tâm thức mình, sẽ tạo ra một bầu không khí êm ả, an bình và thân thiện tỏa rộng chung quanh mình, đây là một cách giúp đỡ gián tiếp, kín đáo và sâu xa những người chung quanh mình hoặc đồng hành với mình trong cuộc sống. Sự giúp đỡ đó rất thật, thế nhưng thường thì mình không nhận thấy được các tác động kín đáo của nó. Trái lại những sự giận dữ, nóng nảy, hung hăng, ích kỷ nhỏ nhặt, sẽ tạo ra một bầu không khí căng thẳng và nặng nề chung quanh mình, tác động gây ra bởi bầu không khí căng thẳng đó đôi khi rất lộ liễu và dễ nhận thấy hơn).

Thế nhưng nếu cứ loay hoay với các nhu cầu nhỏ nhặt thì sẽ rất khó cho chúng ta tu tập dù chỉ là những gì sơ đẳng nhất. Gân như chắc chắn thiền định là một phương pháp tu tập tập hữu hiệu có thể mang lại nhiều lợi ích cho mọi người, tất nhiên là với điều kiện là họ thực sự muốn học và chúng ta có đủ khả năng để chỉ dạy họ,

(Câu này rất quan trọng. Trên đây nhà sư Sangharakshita khuyên người tu tập hãy bắt đầu bằng những sự trợ giúp cụ thể và thiết thực và cách xử sự tử tế với kẻ khác. Thật ra thì đây cũng là những gì mà tất cả các tín ngưỡng đều chủ trương, chỉ ít hay nhiều mà thôi. Thế nhưng qua những dòng chữ trên đây, nhà sư Sangharakshita đã mở ra cho người tu tập một tâm nhìn, một hướng đi xa hơn và sâu rộng hơn: đó là phép thiền định của Phật giáo, một phương pháp luyện tập chính xác, cụ thể, thiết thực và minh bạch, nhằm biến cải con tim mình và khai mở tâm trí mình. Thế nhưng nhà sư Sangharakshita cũng còn lưu ý thêm một điều nữa là người tu tập có thật sự muốn học cách luyện tập đó hay không và

người bỏ-tát có đủ khả năng để chỉ dạy cho họ hay không).

Tuy nhiên đối với bất cứ ai khi đã phát nguyện thật nghiêm chỉnh ước vọng của người bỏ-tát thì không phải chỉ biết giúp đỡ kẻ khác trong các việc nhỏ nhặt hằng ngày, mà phải sẵn sàng đi xa hơn thế, phải tập chịu đựng những sự thách đố to lớn hơn. Đây cũng là những gì mà khái niệm Bodhisattvabhumi (Mười địa giới của người bỏ-tát, còn gọi là Thập địa) nêu lên qua hình ảnh một người bỏ-tát khoác lên vai mình "chiếc áo giáp của sự quyết tâm thật can trường". Lòng nhiệt thành mong muốn khơi động được lý tưởng của người bỏ-tát sẽ giúp mình không để ý đến - hoặc cũng có thể là không cảm thấy - các sự phiền toái nhỏ nhặt, kể cả những niềm khổ đau to lớn hơn. Chúng ta sẽ không thể làm được một tí gì cả cho kẻ khác, dù điều đó không tạo ra một khó khăn đáng kể nào cho mình, nếu từ bên trong chính mình không hiện ra một chút lý tưởng của người bỏ-tát, giúp mình tiến bước trên con đường mà mình đã chọn. Một sự hối tiếc và chán chường không khởi hiện ra với mình khi mình cảm thấy không còn tự hào với chính mình nữa. Điều đó cũng có thể đưa đến tình trạng thù ghét những người mà trước đây mình từng ra sức giúp đỡ họ, ít ra thì điều đó cũng sẽ mang lại cho mình một chút căng thẳng và mệt mỏi. Thế nhưng người bỏ-tát [đích thật] sẽ không cảm thấy một chút mệt mỏi hay căng thẳng nào cả, một khi bodhicitta (bồ-đề tâm) đã hiện lên với mình. Dù lòng vị tha của mình có to lớn đến đâu đi nữa, nhưng nếu kích thước siêu nhiên đó (tức là bodhicitta/bồ-đề tâm) vẫn chưa bắt rễ thật sâu vào con người mình, thì khi đó mình vẫn chưa phải là một người bỏ-tát đích thật.

Bures-Sur-Yvette, 06.10.20
Hoang Phong chuyển ngữ

Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiên Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.

(Khởi đăng từ NS PHẬT HỌC số 327)

CHƯƠNG BẦY

Khi Catherine đến cho kỳ hẹn kế tiếp một tuần sau đó, tôi đã sẵn sàng nghe lại băng thâu về cuộc đối thoại không thể tưởng tượng nổi ở kỳ trước. Tóm lại cô đã cung cấp cho tôi thì ca thiên giới cùng với ký ức tiên kiếp. Tôi bảo cô là cô đã kể lại tin tức về những kinh nghiệm sau cái chết, dù rằng cô không nhớ gì ở về trạng thái nửa nọ nửa kia hay tinh thần. Cô miễn cưỡng lắng nghe. Đã đỡ rất nhiều và hạnh phúc hơn, cô không cần phải nghe tài liệu này. Ngoài ra, nó hơi hơi "kỳ quái" . Tôi thuyết phục cô nên nghe. Cái đó rất tuyệt vời, đẹp đẽ, hướng thượng và nó đến do cô. Tôi muốn chia sẻ nó với cô. Cô nghe giọng dịu dàng của cô trong cuốn băng chỉ vài phút, rồi cô bảo tôi tắt đi. Cô nói rằng thật là kỳ dị và làm cho cô không thoải mái. Lặng lẽ, tôi nhớ lại "việc này cho ông chứ không phải cho cô ấy".

Tôi băn khoăn không biết những buổi thôi miên này kéo dài bao lâu nữa vì mỗi tuần cô thấy khá lên. Nay chỉ còn một ít gợn sóng trong cái hồ đã từng nổi sóng. Cô vẫn còn sợ ở những nơi kín mít và sự quan hệ với Stuart vẫn còn không chắc chắn. Mặt khác, sự tiến bộ của cô thật đáng chú ý.

Chúng tôi không còn những buổi tâm lý trị liệu thông thường nhiều tháng nay. Không còn cần thiết nữa. Chúng tôi chuyện gẫu ít phút để biết đến những sự việc trong tuần rồi chuyển nhanh vào thôi miên dĩ vãng. Phải chăng những ký ức thực tế về những chấn thương nặng hay những chấn thương nhỏ hàng ngày,

hay tiến trình làm sống lại những kinh nghiệm mà Catherine thực sự được chữa khỏi. Những cơn ám ảnh và kinh hoàng gần như biến hẳn. Cô không còn sợ hãi về cái chết hay sắp chết. Cô không còn sợ mất tự chủ. Các bác sĩ tâm thần học ngày nay dùng thuốc an thần và chống phiền muộn liều cao để điều trị bệnh nhân có triệu chứng như của Catherine. Ngoài thuốc men ra, bệnh nhân được chữa trị trong những khóa tâm lý trị liệu mạnh hay tham dự các buổi điều trị cho nhóm bị ám ảnh sợ hãi. Nhiều bác sĩ tâm thần học tin là những triệu chứng như của Catherine có cơ sở sinh học, bởi có những sự thiếu hụt trong một hay nhiều chất hóa học trong bộ não.

Vì tôi dùng thôi miên Catherine ở mức hôn mê cao, tôi nghĩ điều đó mới đáng chú ý và tuyệt vời làm sao vì chỉ trong có ít tuần lễ không dùng thuốc men, cách trị liệu thông thường, hay nhóm để chữa trị, thế mà cô gần như khỏi hẳn. Việc này không chỉ là loại bỏ những triệu chứng, cũng chẳng phải nghiên rãng chịu đựng, hay sống với triệu chứng đó, một cuộc đời bị hành hạ bởi sợ hãi. Đó là cách chữa trị, không có các triệu chứng. Và cô thật rạng rỡ, thanh thản và hạnh phúc vượt quá những cao vọng nhất của tôi.

Giọng cô lại thì ào ào dịu dàng. "Tôi ở trong một tòa nhà, một loại trần có vòm. Trần xanh và vàng. Có những người khác ở đó với tôi. Họ mặc ... trong những bộ đồ cổ ... một loại áo dài, rất cổ và bản. Tôi không biết làm sao chúng tôi lại đến đây. Có nhiều bóng người trong phòng. Cũng có một số phụ nữ, những phụ nữ này đứng trên một kiến trúc bằng đá nào đó. Có một bóng vàng lớn ở cuối phòng. Nó xuất hiện... Nó rất lớn có cánh. Nó

thật xấu . Trong phòng rất nóng, rất nóng ... Rất nóng vì không có khe hở nào. Chúng tôi phải ở xa làng. Có cái gì đó không ổn với chúng tôi."

"Cô bị bệnh phải không?"

"Phải, tất cả chúng tôi đều bệnh. Tôi không biết là bệnh gì nhưng da chúng tôi chết. Da trở nên rất đen. Tôi cảm thấy rất lạnh. Không khí rất khô, rất oi ả. Chúng tôi không thể trở về làng. Chúng tôi phải xa làng. Một số bộ mặt bị dị dạng."

Bệnh này thật ghê gớm giống như bệnh hủi. Nếu cô đã một lần có một kiếp sống đẹp quyền rũ, thì chúng tôi chưa tình cờ gặp nó. "Cô phải ở đây bao lâu?"

Cô trả lời buồn rầu, "Mãi mãi, cho đến khi chết. Không thể chữa được căn bệnh này."

"Cô có biết tên căn bệnh đó không? Gọi là bệnh gì?"

"Không. Da bị khô và co lại. Tôi đã ở đây nhiều năm. Có những người khác mới đến. Không có cách nào trở về được. Chúng tôi bị đuổi đi... để chết."

Cô đã chịu một cuộc sống khốn khổ, sống trong hang.

"Chúng tôi phải đi săn để có đồ ăn. Tôi thấy một vài loại dã thú mà chúng tôi săn bằng sừng. Thú này màu nâu có sừng, sừng lớn."

"Có ai đến thăm cô không?"

"Không, họ không thể đến gần được hay nếu đến họ sẽ bị tai họa. Chúng tôi luôn khổ sở ... vì tội lỗi nào đó chúng tôi đã làm. Và đó là hình phạt của chúng tôi." Những hạt cát thần học của cô liên miên chảy vào đồng hồ cát chứa các kiếp sống của cô. Chỉ sau khi chết, trong trạng thái tịnh thần, mới có sự bất biến đáng mừng và chắc chắn.

"Cô có biết là năm nào không?"

"Chúng tôi đã mất dấu vết của thời gian. Chúng tôi bệnh. Chúng tôi chỉ còn chờ đợi cái chết đến mà thôi."

"Có niềm hy vọng nào không?" Tôi cảm thấy bị thất vọng lây.

"Không có tia hy vọng nào cả. Tất cả chúng tôi sẽ chết. Tay tôi đau nhiều. Toàn thân tôi ốm yếu. Tôi già rồi. Tôi cử động rất khó khăn."

"Cái gì sẽ xảy đến nếu không thể cử động được nữa?"

"Bạn sẽ phải chuyển sang một cái hang khác, và bạn sẽ bị bỏ tại đó cho đến lúc chết."

"Họ làm gì với người chết?"

"Họ bịt kín lối vào hang."

"Có bao giờ họ bịt hang trước khi người đó chết không?"

Tôi đang tìm kiếm manh mối về sự sợ hãi của cô về những chỗ bị vây kín.

"Tôi không biết. Tôi chưa bao giờ ở đây. Tôi ở trong phòng với những người khác. Trời rất nóng. Tôi dựa vào bức tường, nằm ngay tại đây."

"Cái phòng đó để làm gì?"

"Để lễ bái ... nhiều thần. Ở đây rất nóng."

Tôi bảo cô đi xa hơn nữa. "Tôi nhìn thấy cái gì đó trắng. Tôi nhìn thấy cái gì đó trắng, một loại màn. Họ đang di chuyển người nào đó."

"Có phải là cô không?"

"Tôi không biết. Tôi sẽ đón chào cái chết. Thân thể của tôi đau nhiều quá rồi. Mũi của Catherine mím chặt vì đau đớn, và cô đang hôn hên vì cái nóng trong hang. Tôi đưa cô tới ngày cô chết. Cô vẫn hôn hên.

"Rất khó thở phải không?" Tôi hỏi.

"Vâng, ở đây quá nóng ... cảm thấy ... rất nóng, rất tối. Tôi không nhìn thấy ... và không thể di chuyển. Cô đang sắp chết, tê liệt và cô đơn, trong cái hang tối tăm và nóng bức. Miệng hang đã bị bịt kín. Cô sợ hãi và khổ sở. Hơi thở của cô càng đập dồn và đứt quãng, Cô đã chết một cách đáng thương, châm dứt cuộc đời buồn thảm.

"Tôi thấy rất nhẹ ... giống như tôi đang trôi lơ lửng. Trời rất sáng. Thật là tuyệt vời !"

"Cô còn đau không?"

"Không", Cô ngưng và tôi đợi các bậc Thầy. Thay vì vút đi, "tôi rơi xuống rất nhanh . Tôi trở về vào một thân xác". Cô dường như rất ngạc nhiên cũng như tôi.

"Tôi nhìn thấy những tòa nhà, có những cột tròn. Có rất nhiều tòa nhà. Chúng tôi ở ngoài trời. Có nhiều cây - cây ô liu - chung quanh. Trời rất đẹp. chúng tôi đang theo dõi một cái gì đó ... Người ta đeo những cái mặt nạ rất ngộ nghĩnh, những mặt nạ che mặt họ. Đó là lễ hội. Họ mặc áo choàng dài, và có mặt nạ che kín mặt. Họ giả đò là họ không phải là cái đó. Họ ở trên một cái bục... trên nơi chúng tôi ngồi."

" Có phải cô đang xem một màn kịch không?"

"Đúng"

"Trông cô như thế nào? Hãy nhìn vào chính cô."

"Tôi có mớ tóc nâu. Tóc tôi được tết lại. Cô ngưng lại. Sự miêu tả về chính cô và sự hiện diện của các cây ô liu khiến tôi nghĩ đến kiếp sống ở Hy Lạp của Catherine mười lăm năm trước Jesus Christ, khi tôi là thầy giáo của cô, Diogenes. Tôi quyết định điều tra.

"Cô biết ngày tháng không?"

"Không"

"Có những người mà cô biết không?"

"Có, chồng tôi ngồi cạnh tôi. Tôi không biết anh (trong hiện kiếp)"

"Cô có con không?"

"Tôi đang ở với con tôi". Cô dùng những từ rất thú vị, một loại cổ điển, và không giống phong cách có ý thức của Catherine chút nào.

"Cha cô có đây không?"

"Tôi không nhìn thấy ông ta. Ông cũng ở đây, ở một nơi nào đó ... nhưng không phải với tôi." Cho nên tôi đứng. Chúng tôi quay trở lại ba mươi lăm thế kỷ.

"Tôi làm gì ở đây?"

"Ông đang quan sát, nhưng ông dạy. Ông dạy... chúng tôi đang học ông ... hình vuông và vòng tròn, những thứ thật ngộ nghĩnh. Diogenes, ông ở đây."

"Cô có biết gì khác về tôi nữa không?"

" Ông già rồi. Chúng ta có liên hệ ... ông là anh của mẹ tôi."

"Cô có biết những người khác trong gia đình tôi không?"

"Tôi biết vợ ông... và các con ông. Ông có những đứa con trai. Hai đứa lớn hơn tôi. Mẹ tôi chết rồi; bà chết lúc rất trẻ."

"Cha cô nuôi nấng cô phải không?"

"Phải, nhưng nay tôi đã có chồng"

"Cô đang mong có con phải không?"

"Phải. Tôi sợ hãi. Tôi không muốn chết trong khi đứa con được sinh ra."

"Có phải việc như vậy đã xảy ra cho mẹ cô không?"

"Phải"

"Và cô sợ việc này xảy cho cô phải không."

"Việc như thế đã xảy ra nhiều lần"

"Đây có phải là đứa con đầu tiên của cô phải không?"

"Phải, tôi sợ lắm. Tôi mong muốn sinh sớm. Tôi rất to lớn. Tôi rất khó chịu khi di chuyển... Trời lạnh." Cô đã tự động tiến xa hơn. Đứa trẻ sắp được sinh. Catherine chưa bao giờ có con, và tôi cũng chưa bao giờ đỡ đẻ trong mười bốn năm dù có khi luân chuyển đến sản khoa của trường y.

Tôi hỏi, "Cô bây giờ ở đâu?"

"Tôi đang nằm trên đá, Trời rất lạnh. Tôi đau đớn... Ai đó phải giúp tôi. Người nào đó phải giúp tôi?" Tôi bảo cô phải thở sâu; đứa bé sẽ sinh ra không đau đớn. Đồng thời cô đang hôn hên và rên rỉ. Con đau đẻ của cô lâu chừng vài phút thống khổ, rồi đứa bé được sinh ra. Cô có đứa con gái.

"Bây giờ cô cảm thấy khá hơn chưa?"

"Rất yếu ... quá nhiều máu!"

"Cô có biết cô đặt tên con bé là gì không?"

"Không, tôi quá mệt... Tôi muốn đứa con tôi."

"Con cô đây." Tôi cương thêm, "bé gái"

"Vâng, chồng tôi rất hài lòng." Cô kiệt sức. Tôi bảo cô hãy ngủ đi một giấc ngủ ngắn và khi tỉnh dậy sẽ khoan khoái. Sau một hay hai phút, tôi đánh thức cô dậy.

"Bây giờ cô cảm thấy khá hơn không?"

"Vâng... tôi nhìn thấy thú vật. Những con thú này mang cái gì đó trên lưng. Có những cái thủng ở trên. Có rất nhiều thứ trong thủng. . đồ ăn ... một số trái cây chín..."

"Đó là vùng đất tốt phải không?"

"Vâng, có nhiều thực phẩm."

"Cô có biết tên của mảnh đất này không? Cô gọi nó là gì khi một người lạ hỏi cô tên của cái làng ấy?"

"Cathenia... Cathenia"

"Có vẻ như một thành phố Hy Lạp", Tôi nhắc lại.

"Tôi không biết thành phố đó. Ông biết thành phố đó à? Ông đã đi khỏi làng và đã trở về. Tôi thì không." Đó là một khúc quanh. Trong kiếp này, vì tôi là cậu cô, nhiều tuổi và khôn ngoan hơn, cô hỏi liệu tôi có biết câu trả lời cho câu hỏi của tôi. Không may, tôi không đi vào được thông tin đó.

Tôi hỏi, " Có phải cô đã sống suốt đời trong làng này?"

"Vâng", cô thì thào, "nhưng ông đi nhiều nên"

ông biết điều ông dạy. Ông đi để học, để biết đất nước... những con đường buôn bán khác nhau cho nên ông có thể ghi lại và làm các bản đồ... Ông già rồi. Ông đi với những người trẻ vì ông hiểu bản đồ. Ông rất khôn ngoan."

"Ý cô nói bản đồ nào?" Bản đồ các vì sao?"

"Ông, ông hiểu các ký hiệu. Ông có thể giúp họ làm... giúp họ làm bản đồ"

"Cô có nhận được những người khác trong làng không?"

"Tôi không biết họ... nhưng tôi biết ông."

"Được rồi. Quan hệ của chúng ta thế nào?"

"Rất tốt. Ông rất tử tế. Tôi thích ngồi cạnh ông, rất thoải mái... Ông đã giúp chúng tôi. Ông đã giúp các chị em tôi..."

"Dù đã đến lúc, nhưng tôi phải xa ông, vì tôi già."

"Không" Cô chưa sẵn sàng nói về cái chết của tôi. " Tôi nhìn thấy bánh mì, bánh dẹt, rất dẹt và mỏng."

"Người ta đang ăn bánh phải không?"

"Phải, cha tôi và chồng tôi và tôi. Và những người khác trong làng."

"Dịp nào thế?"

"Đó là một số... một lễ hội nào đó".

"Cha cô ở đây à?"

"Vâng"

"Con cô có ở đây không?"

"Vâng, nhưng nó không đi với tôi. Nó ở với

chị tôi."

"Hãy nhìn kỹ chị cô", tôi đề nghị, hãy nhìn kỹ để có thể nhận ra người nào đó trong hiện kiếp của Catherine.

"Vâng, tôi không biết chị ấy"

"Cô có nhận được cha cô không?"

"Có. . có... Edward. Có những quả sung, quả sung và ô liu, một vài con cừu. Họ đang thui con cừu." Nghỉ hồi lâu. "Tôi thấy thứ gì trắng... "Cô đã tiến xa hơn về thời gian. Nó trắng . . đó là một cái hòm vuông. Đó là chỗ mà người ta đặt người vào khi chết."

"Lúc ấy có người nào chết không?"

"Có ... cha tôi. Tôi không thích nhìn vào ông. Tôi không muốn nhìn thấy ông."

"Cô phải nhìn à?"

"Phải, họ sẽ mang ông đi và chôn ông. Tôi cảm thấy rất buồn."

"Vâng, tôi biết. Thế cô có bao nhiêu con?" Người phóng viên trong tôi không để cho cô buồn thảm.

"Tôi có ba con, hai trai một gái." Sau khi trả lời tôi theo bản phận cô trở lại buồn thảm.

"Họ đã để xác ông dưới một cái gì đó, dưới một thứ vải phủ . ." Cô dường như rất buồn.

"Tôi cũng chết vào lúc đó à?"

"Không. Chúng ta đang uống nước nho, nước nho trong một cái cốc."

"Bây giờ trông tôi thế nào?"

"Ông rất già, rất già"

"Cô cảm thấy khá hơn chưa?"

"Không!, Khi ông chết tôi sẽ cô đơn."

"Cô có sống với các con cô không? Chúng sẽ săn sóc cô."

"Nhưng ông biết rất nhiều. Cô nói giống như một bé gái."

Tôi an tâm cô, "Cô sẽ qua. Cô biết rất nhiều, Cô sẽ an toàn. Và thấy cô có vẻ đang nghỉ ngơi một cách thanh thản."

"Cô có thanh thản hơn không? Bây giờ cô ở đâu?"

"Tôi không biết." Dường như cô đã vượt qua trạng thái tinh thần dù rằng cô không kinh qua cái chết của cô trong kiếp sống này. Tuần lễ này chúng tôi đã đi qua hai kiếp sống với các chi tiết đáng kể. Tôi chờ đợi các Bậc Thầy, nhưng Catherine tiếp tục nghỉ ngơi. Sau một vài phút chờ đợi, tôi hỏi liệu cô có thể nói chuyện với những Thần Linh Bậc Thầy không.

Cô giải thích, "Tôi chưa đến được bình diện đó. Tôi không thể nói được cho đến khi tôi đến."

(Còn tiếp)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn
384.

Nhờ thường trú hai pháp [1]
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.



Biển cả tình mẹ cho

Hoang Phong

*Nửa dòng máu trong tim,
Là máu hồng của mẹ.
Dòng máu âm lạnh im,
Nuôi con từ tâm bé.*

*Trong con mỗi tế bào,
Ôm ấp tình của mẹ.
Dầu ở tận phương nào,
Về thăm con mẹ nhé.*

*Con thấy trong mắt mẹ,
Giọt nước mắt chưa khô,
Giọt nước mắt bao la,
Rạt rào như biển cả.*

*Trong con sóng dâng cao,
Cuồn cuộn ngọn sóng gào.
Dạt dào tình mẹ đó,
Biển cả tình mẹ cho.*

Sa mạc thuộc miền Tây bắc Yemen, 17.06.92



Vài nét về: Đức Huỳnh Giáo Chủ

Theo Trang nhà Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại



Người sáng-lập Đạo Phật-Giáo Hòa-Hảo là Đức Thầy Huỳnh-Phú-Sổ. Đản sanh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ-Mùi (15-01-1920) tại làng Hòa-Hảo, tỉnh Châu-Độc, một tỉnh xa-xôi giáp biên-thùy Việt-Miên thuộc miền Nam Việt.

Ngài là trưởng nam của Đức Ông Huỳnh-Công-Bộ và Đức Bà Lê-Thị-Nhậm; một gia-đình trung-lưu, nhiều phúc-hậu và nhiều uy-tín với nhân-dân địa-phương.

Thuở nhỏ, vừa học xong đến hết bậc tiểu-học thì đau ốm liên-miên, nên Ngài phải rời nhà trường về dưỡng bệnh. Từ 15 đến 21 tuổi, Ngài không lúc nào dứt được cơn đau và không một lương-y nào trị được.

Năm 1939, sau khi hướng-dẫn thân-phụ đi viếng các am-động miền Thất-Sơn và Tà-Lơn – những núi non được nổi tiếng linh-

thiêng hùng-vĩ – Ngài tỏ ra đại ngộ. Ngày 18 -5 Kỷ-Mão (1939) Ngài chính-thức mở Đạo. Bắt đầu là công việc chữa bệnh, Ngài chữa lành được các chứng hiểm-nghèo với phương-pháp thật giản-đơn là chỉ dùng lá cây, nước lã, giấy vàng, khiến các bác-sĩ Tây-y, các dược-sư Đông-y lẫn các danh-gia phù-thủy đều phải kinh-dị.

Song-song với việc chữa bệnh, Ngài thuyết-pháp thao-thao bất tuyệt. Nhiều thi-sĩ văn-gia hoặc luật-gia nghe tiếng, đến chắt-vấn, đều phải nhận Ngài là một bậc siêu-phàm.

Cũng từ năm 1939, Ngài sáng-tác thật nhiều Kệ Giảng nội-dung tiên-tri chiến-cuộc sẽ tràn-lan, nhân-loại sẽ điêu-linh và kêu gọi mọi người nên bỏ dũ về lành, thực-hành tứ-ân, trau-giồi thiên-tịnh để trở thành thiện-nhân trong xã-hội và tiến đến sự nhập diệu cõi đạo.

Nhìn qua công-đức giảng dân cứu chúng, người ta thấy Ngài chữa được hàng vạn chứng hiểm-nghèo, thuyết-pháp hàng ngàn lần trước đại-đa thánh-chúng và sáng-tác sáu quyển Kệ Giảng cùng với hàng trăm bài thi ca, văn, chú có giá-trị siêu-việt.

Văn-chương của Ngài cực-kỳ bình-dân nhưng rất hàm-súc hấp-dẫn. Ngài viết không cần giấy nháp.

Giáo-pháp của Đức Giáo-Chủ tuy cao-siêu nhưng không kém phần thực-tế, có thể áp-dụng cho bất cứ một nơi nào trên thế-gian. Ngài là một nhà đại cách-mạng tôn-giáo. Vì trước khi Ngài ra đời, Đạo Phật Việt-Nam bị đình-đốn sai lạc, và Đạo Phật thế-giới chưa nói tới việc canh-tân. Ngài đã cắt bỏ tất cả những nghi-lễ phiền-toái mà nguyên-căn không phải của Đức Thích-Ca chủ-trương, đồng thời còn canh-tân nhiều điểm trong phương-pháp thực-hành đạo Phật mà trước kia không hề có.

Nhờ Giáo-pháp thích-thời đó nên chỉ trong một thời-gian ngắn, Ngài thu-phục được hai triệu tín-đồ tại miền Nam Việt-Nam và ảnh-hưởng mỗi lúc càng lan rộng thêm ra.

Vì Ngài được thiên-hạ quá hoan-nghinh nên nhà đương-cuộc bắt đầu để ý đến sự bành-trướng dị-thường của phong-trào tôn-giáo Phật-Giáo Hòa-Hảo, nên một biện-pháp chánh-trị đã được đem ra thi-hành và Ngài phải bị quản-thức tại làng Nhơn-Nghĩa (Cần-Thơ).

Ở đây, Ngài lại được người ta tôn-sùng hơn trước nữa, làm cho nhà cầm quyền phải đem Ngài an-trí tại nhà thương Chợ-Quán. Sau đó, Ngài lại bị dời về Bạc-Liêu đến năm 1942.

Khi người Nhật nhúng tay vào thời-cuộc Đông-Dương trong hồi thế-giới chiến-tranh kỳ nhì, họ cưỡng-bách đem Ngài về Sài-Gòn thì Ngài buộc lòng tá-túc tại Hiến-binh Nhứt để chờ đợi thời-cơ thuận-tiện ra gánh vác việc nước nhà. Khi đó Ngài có làm một câu đối để diễn-tả hoàn-cảnh của mình :

Trương Tiên qui Hón phi thân Hón, Quan đế cư Tào bắt đê Tào.

Sở-dĩ người Nhật muốn thi ân với Ngài là vì họ muốn gây cảm-tình với khối tín-đồ khổng-lồ của Ngài để sau này có thể lợi-dụng. Nhưng đã là một người sáng-suốt thì Ngài đâu có để cho bọn Nhật lôi cuốn trong việc chuẩn-bị của họ chống Đồng-minh.

Sau cuộc đảo-chánh mừng 9 tháng 3 dương-lich 1945, Ngài giữ một thái-độ hết sức dè-dặt vì Ngài biết chắc-chắn rằng người Nhật thế nào cũng thất trận. Lúc đó, Ngài nói một lời tiên-tri rất hài-hước “*Nhật- Bốn ăn không hết con gà*”. Mà thiệt vậy ! Vì năm Dậu (con gà) mà cũng là năm 1945 chưa hết, thì số phận nước Nhật đã được định-đoạt.

Năm 1945, “*vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bách-tính tới hồi tai-họa*”, nên Ngài đứng ra bảo-vệ quốc-gia và cứu nguy dân-chúng. Ngài từng thành-lập Phật-Giáo Liên-Hiệp Hội để đoàn-kết đạo Phật, và Việt-Nam Độc-Lập Vận-Động Hội để vận-động cuộc độc-lập nước nhà.

Sau khi Nhật-Hoàng đầu hàng Đồng-minh không điều-kiện, nước Việt-Nam phải sống một thời-kỳ bất-định, Đòng-bào Việt-Nam đương lo-sợ cảnh dịch-chủ tái-nô, Đức Huỳnh Giáo-Chủ liền hiệp với lãnh-tụ các đảng-phái và tôn-giáo để thành-lập Mặt-trận Quốc-gia Thống-Nhứt hầu lên tiếng với

ngoại-bang. Mặt-trận này lại sáp-nhập vào Mặt-trận Việt-Minh mà chính Đức Huỳnh Giáo-Chủ là vị đại-diện đầu tiên ở Nam-Việt.

Sau sự thất-sách của Hồ-Chí-Minh với Hiệp-ước mừng 6 tháng 3 năm 1946, tạo cơ-hội thuận-tiện cho thực-dân trở lại, Đức Huỳnh Giáo-Chủ liên-kết với các lãnh-tụ quốc-gia để thành-lập Mặt-Trận Quốc-Gia Liên-Hiệp.

Mặt-trận này được quần-chúng nhiệt-liệt hoan- nghinh nên lại bị Việt-Minh giở ngón độc-tài giải-tán. Họ liền thành-lập Liên-Hiệp Quốc-Dân Việt-Nam Hội để che đậy màu sắc đỏ của Đệ-Tam Quốc-Tế và để làm cho quần-chúng quên cái dĩ-vãng đẫm máu của các tướng Cộng-Sản hồi cuối năm 1945.

Năm 1946, vì muốn gây cuộc đoàn-kết giữa các tầng lớp đồng-bào, Ngài ưng-thuận tham-gia Ủy-Ban Hành-Chánh với trách-vụ Ủy-Viên Đặc-Biệt.

Ngài liên-kết các chiến-sĩ quốc-gia với khối tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo để thành-lập *Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng* (21-9-46), với chủ-trương công-bằng xã-hội và dân-chủ-hóa nước Việt-Nam. Ngài chẳng những là một nhà cách-mạng tôn-giáo anh-minh mà còn là một lãnh-tụ chánh-trị đa tài. Đọc Tuyên-ngôn, Chương-trình của Đảng Dân-Xã do Ngài đưa ra, dù cho đối-phương hay những người khó tánh, đều phải công-nhận Ngài có một bộ óc cải-tiến vượt bực và nhận-định sáng-suốt phi-thường.

Đồng thời, Ngài cũng gọi người ra hải-ngoại, đoàn-kết với các nhà cách-mạng quốc-gia lưu-vong để thành-lập *Mặt-Trận Thống-Nhất Toàn-Quốc*. Giải-pháp quốc-gia cũng do công-trình của Ngài và các nhà cách-mạng xuất-dương mà thực-hiện đến ngày

nay.

Bởi đường lối của Ngài trái ngược với chủ-trương Cộng-Sản và bởi Giáo-thuyết của Ngài có thể gây đổ- vỡ cho chủ-nghĩa vô-thần, Cộng-Sản đã tìm mọi cách làm hại Ngài, nhưng họ đều không làm gì Ngài được.

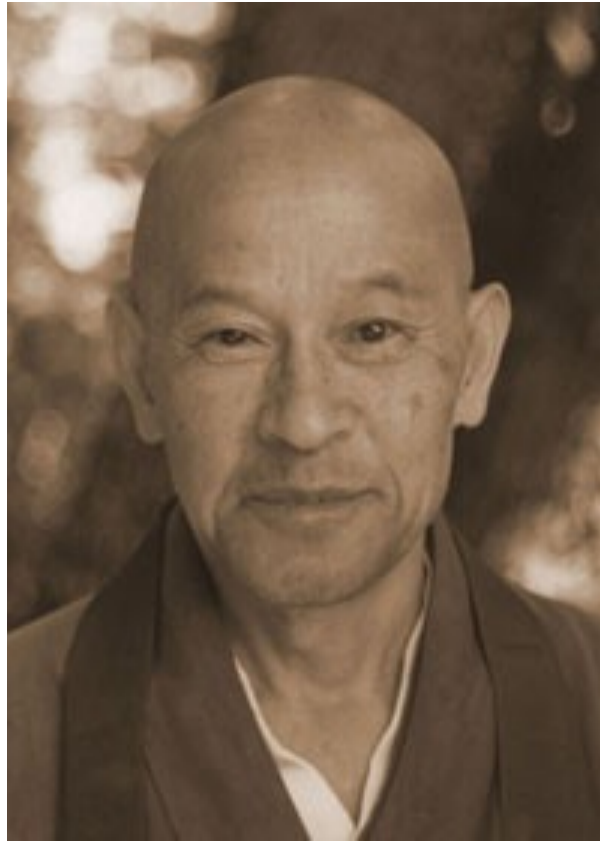
Đầu năm 1947, các tín-đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo ở miền Tây chống lại chủ-trương độc-đoán của các Ủy- Ban Việt-Minh vì họ áp-dụng chánh-sách độc-tài trong sự tổ-chức và cai-trị quần-chúng. Muốn tránh cuộc cốt-nhục tương-tàn, Đức Huỳnh Giáo-Chủ về miền Tây Nam-Việt với hảo ý trân-tĩnh lòng phần-nộ của tín-đồ P.G.H.H. và để giảng-hòa hâu đoàn-kết chống thực-dân cho có hiệu-lực. Nhưng ngày 25 tháng 2 nhuận năm Đinh-Hợi (16-4-1947), Ủy-Ban Hành-Chánh Việt-Minh âm-mưu bắt Ngài tại Đốc- Vàng Hạ (vùng Đồng-Tháp).

Từ đó không ai rõ tin-tức chi về Đức Huỳnh Giáo- Chủ, nhưng toàn-thể tín-đồ của Ngài không ai tin rằng Việt-Cộng có thể làm hại Ngài được. Và muôn người như một, đang mong đợi một ngày về trong sứ-mạng vinh-quang nhất của Ngài.



BẤT KỲ BẠN Ở ĐÂU, GIÁC NGỘ Ở ĐÓ

Thiền sư Shunryu Suzuki | Cao Huy Hóa dịch



Thiền sư Shunryu Suzuki (1904-1971)

Đây là bài giảng pháp của Thiền sư người Nhật Shunryu Suzuki (1904-1971) tại thiền đường Tassajara đã lâu rồi, nay được đăng lại trên tạp chí Phật giáo Lion's Roar ngày 19/5/2017. Thiền sư là vị sáng lập Trung tâm Thiền tại San Francisco và Trung tâm Thiền Tassajara trên núi. Nhiều bài giảng pháp của thiền sư đã được tập hợp thành sách, trong đó có sách rất nổi tiếng Zen Mind, Beginner's Mind.

Trong tu tập của chúng ta, điều quan trọng nhất là nhận ra chúng ta có Phật tính. Chúng ta biết điều đó, về mặt trí tuệ, nhưng thật là khó để tiếp nhận. Cuộc sống hàng ngày là

trong lãnh vực của tốt và xấu, lãnh vực của nhị nguyên, trong khi Phật tính chỉ tìm thấy trong tuyệt đối, ở đó không có cái tốt không có cái xấu. Có một thực tại hai mặt. Thực tập của chúng ta là để vượt ra ngoài lãnh vực của tốt và xấu, và để nhận ra cái tuyệt đối. Có thể khó để hiểu ra điều đó.

Thiền sư nổi tiếng Hashimoto, viên tịch năm 1965, bảo rằng, cách thức chúng ta (người Nhật) nấu ăn là sửa soạn mỗi thành phần một cách riêng rẽ. Gạo ở đây, dưa chua ở đó. Nhưng khi bạn nạy chúng vào dạ dày, bạn không biết cái nào là cái nào. Súp, cơm,

dưa chua và mọi thứ trộn lẫn nhau. Đó là thể giới của tuyệt đối. Khi nào mà com, dưa chua và súp vẫn còn giữ riêng biệt thì chúng không hoạt động. Bạn sẽ không được nuôi dưỡng. Việc này cũng giống như sự hiểu biết về mặt trí tuệ hay kiến thức sách vở - nó vẫn tách biệt với đời sống thực của bạn.

Thực tập thiền tọa (Zazen) là hòa trộn những lối hiểu biết khác nhau mà chúng ta có được và để chúng cùng làm việc với nhau. Một ngọn đèn dầu hỏa không thể làm việc được chỉ vì nó đầy dầu hỏa. Nó còn cần không khí để cháy, và dù có không khí thì nó cũng cần diêm. Nhờ sự trợ giúp của diêm, không khí và dầu hỏa, ngọn đèn mới làm việc được. Đó là thực tập thiền zazen của chúng ta.

Cùng một cách như vậy, dầu ngay cả khi bạn nói, “Tôi có Phật tính,” điều đó vẫn chưa đủ. Nếu bạn không có người đồng tu hay tăng đoàn, thì vẫn chưa được. Khi chúng ta thực tập với sự trợ giúp của tăng đoàn - được Phật giúp đỡ - thì chúng ta thực tập zazen trong nghĩa đích thực của nó. Chúng ta sẽ có ánh sáng bùng nổ ở đây trong thiền đường Tassajara hay trong đời sống hàng ngày.

Dĩ nhiên có được kinh nghiệm giác ngộ (tạm gọi như thế) là quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn là biết làm thế nào điều chỉnh ngọn lửa trong zazen và trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Khi ngọn lửa ở trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn, bạn không thấy mùi dầu. Khi đèn bị khói, bạn ngửi phải mùi gì đó. Bạn có thể nhận ra đó là cây đèn dầu hỏa. Khi đời sống của bạn ở trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn, bạn không than phiền và không thấy cần phải lưu tâm đến thực tập của bạn. Nếu chúng ta nói quá nhiều về zazen, ấy là

cây đèn dầu hỏa đã có khói rồi đấy.

Có thể tôi là cây đèn dầu hỏa đầy khói. Tôi không nhất thiết muốn thuyết giảng gì cho ai. Tôi chỉ muốn được sống với các bạn: đi chuyển đá, tắm suối nước nóng, ăn món ngon gì đó. Thiền (zen) là ở ngay đó. Khi tôi bắt đầu nói thì cây đèn dầu đã có khói rồi. Khi nào mà tôi còn thuyết giảng thì tôi phải giải thích: “Đây là thực tập đúng, đây là sai, đây là cách để thực tập thiền zazen...”. Giống như người ta cho bạn công thức làm món ăn. Công thức đó không tự làm việc được. Bạn không thể ăn công thức.

Thông thường, một thiền sư sẽ nói: “Thực tập zazen thì bạn sẽ đạt trạng thái giác ngộ. Nếu bạn đạt được giác ngộ, bạn sẽ buông bỏ mọi thứ, và bạn sẽ thấy mọi sự như nó là.” Tất nhiên đó là đúng, nhưng con đường của chúng ta không luôn luôn như thế. Chúng ta đang học làm thế nào để điều chỉnh độ to nhỏ của ngọn lửa. Dogen Zenji 1 (Thiền sư Đạo Nguyên) đã làm rõ điểm này trong Shobogenzo 2 (Chánh pháp nhãn tạng). Lời dạy của ngài là sống mỗi thời diêm trong trạng thái đốt cháy hoàn toàn như một ngọn đèn dầu hay đèn cây. Sống mỗi thời diêm, trở thành một với tất cả, đó là điểm nhấn của lời dạy và thực tập của ngài.

Thực tập Zazen là một chuyện rất tinh tế. Khi bạn thực tập zazen, bạn ý thức về những gì bạn không chú ý trong khi bạn làm việc. Hôm nay, tôi đi chuyển đá một hồi, và tôi không thấy bắp thịt của tôi mỏi mệt. Nhưng khi tôi ngồi thiền tọa một cách tĩnh lặng, tôi nhận ra, “Ồ! Mấy bắp thịt của tôi đã khá rã rời rồi”. Tôi cảm thấy đau nhiều chỗ trong thân thể. Bạn có thể nghĩ bạn có thể thực tập zazen tốt hơn nếu bạn không có vấn đề gì, nhưng thật ra có vấn đề gì đó lại là cần thiết. Không cần phải là cái gì lớn

lao. Nhờ có khó khăn, bạn có thể thực tập zazen. Đây là một điểm có ý nghĩa đặc biệt, chính vì thế nên Thiền sư Đạo Nguyên nói: “Thực tập và giác ngộ là một.” Thực tập là cái gì đó bạn làm một cách có ý thức, cái gì đó bạn làm với cố gắng. Thế đó! Giác ngộ là ở ngay đó.

Nhiều thiền sư sơ sót ở điểm này, trong khi họ cố gắng đạt zazen hoàn toàn: những gì hiện hữu đều không toàn hảo. Mọi thứ trên thế giới này đều thật sự hiện hữu như vậy. Không có gì ta thấy hay ta nghe là toàn hảo. Nhưng ngay ở trong sự bất toàn chính là thực tại toàn hảo. Điều này đúng về mặt trí tuệ và cũng đúng trong lãnh vực thực tập. Điều này là đúng trên giấy và đúng với thân thể của chúng ta.

Bạn nghĩ rằng bạn chỉ có thể tạo được thực tập đích thực sau khi bạn đạt được giác ngộ, nhưng không phải vậy. Thực tập đích thực được xây dựng trên ảo tưởng và trong bức bối. Nếu bạn phạm sai lầm nào đó thì đó chính là nơi để bạn tạo lập thực tập của bạn. Không có nơi nào khác cho bạn để tạo lập thực tập.

Chúng ta nói về giác ngộ, nhưng trong nghĩa đích thực của nó. Giác ngộ hoàn toàn ở ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, ngoài tâm kinh nghiệm của chúng ta. Ngay cả trong thực tập không hoàn hảo, giác ngộ cũng ở đó. Chúng ta chỉ không biết thôi. Vì thế, điểm nhấn là tìm thấy ý nghĩa đích thực của thực tập trước khi ta đạt giác ngộ. Bất kỳ bạn ở đâu, giác ngộ ở đó. Nếu bạn đứng thẳng ngay tại nơi bạn ở, đó là giác ngộ.

Đây là cái gọi là thiền zazen tôi-không-biết. Chúng ta không còn biết zazen là cái gì nữa. Tôi không biết tôi là ai. Tìm được sự

tĩnh lặng hoàn toàn khi bạn không biết bạn là ai hay bạn ở đâu, đó chính là bạn thừa nhận mọi sự vật như nó là. Ngay cả mặc dầu bạn không biết bạn là ai, bạn đã thừa nhận chính bạn. Đó là “bạn” trong nghĩa đích thực của nó. Khi bạn biết bạn là ai, “bạn” sẽ không phải là bạn trong thực tế. Bạn có thể đánh giá cao về mình quá dễ dàng, nhưng khi bạn bảo, “Ồ, tôi không biết”, thế là bạn-là-bạn, và bạn biết bạn một cách đầy đủ. Đó là giác ngộ.

Tôi nghĩ giáo lý của chúng ta là tốt, rất tốt, nhưng nếu ta trở nên ngạo mạn và tin vào mình quá sức, thì ta sẽ lạc lối. Sẽ không còn có giáo lý, không còn có đạo Phật gì hết. Khi chúng ta tìm thấy niềm vui sống trong sự tĩnh lặng của mình, chúng ta không biết nó là gì, chúng ta không hiểu điều gì cả, khi đó tâm chúng ta rộng lớn vô cùng. Tâm chúng ta mở ra với mọi sự vật, vì thế nó đủ lớn để biết, trước khi chúng ta biết được điều gì. Chúng ta biết ơn ngay cả trước khi chúng ta có được chút gì. Ngay cả trước khi chúng ta đạt giác ngộ, chúng ta vẫn thấy hạnh phúc để tu tập theo cách của chúng ta. Bằng không, chúng ta chẳng đạt được cái gì trong nghĩa đích thực của nó.

Cảm ơn các bạn rất nhiều.

Chú thích: 1. Thiền sư Đạo Nguyên, 1200-1253, theo Từ điển thiền và thuật ngữ Phật giáo (online) của Thiện Phúc. (Chú thích của người dịch). 2. Diệu pháp trí tạng, theo Từ điển thiền và thuật ngữ Phật giáo (online) của Thiện Phúc (Chú thích của người dịch). Nguyên tác: “Wherever You Are, Enlightenment Is There” được lấy từ tuyển tập “Not Always So”

Tại sao chúng sanh lại điên đảo?

HT. Tuyên Hóa



Vô minh đưa ra mệnh lệnh: "Cho việc đúng là sai, cho việc sai là đúng". Từ trong Thiên-định, gạn lọc tâm tư, trừ bớt tham dục, khiến trí huệ nảy sinh. Người thường thích khởi tâm nóng giận đa số là người ngu si, vô minh nặng nề, không một chút công phu hàm dưỡng.

Vì nhận lầm vô minh là ông chủ nhà, tổng khứ trí huệ đi mất.

Vô minh đưa ra mệnh lệnh: "Cho việc đúng là sai, cho việc sai là đúng". Từ trong Thiên-định, gạn lọc tâm tư, trừ bớt tham dục, khiến trí huệ nảy sinh. Người thường thích khởi tâm nóng giận đa số là người ngu si, vô minh nặng nề, không một chút công phu

hàm dưỡng.

Tu đạo là cần phải Quay Trở Lại. Nghĩa là gì ? Tức là phải nhường cho người việc tốt lành, còn mình thì nhận phần hư xấu. Xả Tiểu Ngã để thành tựu Đại Ngã.

Đối với ma đừng khởi tâm thù nghịch. Hãy xem chúng như các bậc Thiện Tri Thức trợ Đạo cho mình.

Từ vô lượng kiếp đến nay, hết đời này sang đời khác, mỗi người tạo bao nghiệp khác nhau, nên vọng tưởng cũng không đồng. Nghiệp nặng thì vọng tưởng nhiều, còn nghiệp nhẹ thì vọng tưởng ít.

Người tu hành phải vì cắt đứt dòng sanh tử luân hồi, vì hóa độ chúng sanh, chứ không vì cầu cảm ứng mà tu Đạo.

Người tu Đạo phải luôn luôn hồi quang phản chiếu, chứ không nên hướng ngoại truy cầu. Không thể chạy tìm cầu chân tâm ở bên ngoài được, mà phải quay về tự tánh thì tự nhiên đầy đủ cả.

Đối với người mới phát tâm tu hành, điều chướng ngại trọng yếu nhất khi dụng công là tâm tham luyến sắc dục giữa nam và nữ. Đây là vấn đề căn bản nhất.

Người tu Đạo nên chú ý ! Chớ gieo duyên nhiễm ô với người khác. Sợi dây trói buộc bất tịnh này sẽ làm chúng ta đọa lạc.

Hiện tại, chúng ta may mắn có được thân người. Nếu không biết dùng thân người để tu hành thì đợi đến khi nào mới chịu tu ? Chỉ e đến lúc mất thân này rồi, dẫu có muốn tu hành thì đã quá muộn màng !

Khi tu học Phật pháp, điều thiết yếu là phải chân thật. Nơi mỗi hành động, lời nói, cử chỉ đều phải chân thật.

Sống trong tự viện, chúng ta phải biết tiết kiệm mọi vật dụng. Có câu: Giữ gìn vật của chùa như bảo vệ trong con mắt.

Không thương cùng không ghét chính là nghĩa Trung Đạo.

Tu đạo là gì ? Tức là tu theo Trung Đạo. Khi đối xử với mọi người, phải lấy lòng bình đẳng và lòng từ bi làm căn bản. Khi hành sự, phải cẩn thận, chớ đi lạc vào lưới rọ tình ái.

Chưa bao giờ có việc Ngày nay tu Đạo thì ngày mai thành Phật. Mới cuốc một nhát đầu có thể đào giếng nước ngay được. Tu hành là đem khối sắt mài thành cây kim. Khi công phu đầy đủ thì tự nhiên sẽ thành tự.

Việc đầu tiên khi tu học Mật chú là phải chánh tâm thành ý. Nếu tâm không chân chánh thì khi tu học, Mật chú nào cũng thành tà. Tâm nếu chân chánh thì việc tu học

Mật chú mới được cảm ứng.

Vô minh có hai đồng bạn. Hai đồng bạn đó chính là tham ăn và tham sắc dục. Cả hai việc này trợ giúp vô minh tạo ra vô số nghiệp xấu.

Có câu:

Khi muốn làm người tốt thì nghiệp báo hiện, Khi muốn thành Phật thì ma đến thử thách.

Nếu không muốn trở thành người lành thì nghiệp báo không tìm đến. Càng quyết chí làm người lành bao nhiêu thì nghiệp báo càng tìm đến tới tấp bấy nhiêu để đòi chúng ta thanh toán nợ nần cho rõ ràng.

Phật và ma chỉ khác nhau nơi một tâm niệm: Phật thì có tâm từ bi, còn ma thì có tâm tranh hơn thua.

Người thực sự biết cách tu hành thì nhất cử nhất động đều là tu cả.

Người tu Đạo không nên đi khắp nơi quảng cáo sự tu hành của mình. Ai thường làm việc đó thì nhất định sẽ đọa lạc vào đường ma.

Khi ở bất cứ nơi nào, người tu Đạo cũng đều phải che giấu và tẩy xóa tông tích; chớ nên để lộ diện.

Tâm của chúng ta thường trú tại những nơi khác chứ không trú tại trong tâm mình. Trú tại những nơi khác nghĩa là có thân mà tâm

lại chạy tán loạn.

Giảng Kinh thuyết Pháp là tu Huệ. Ngồi Thiền là tu Định. Không nói lời tạp nhạp là tu Giới.

Phiền não tức Bồ Đề. Nếu biết cách tu hành thì phiền não tức là Bồ Đề, bằng ngược lại thì Bồ Đề biến thành phiền não.

Tu Đạo cần phải tập đại khờ. Càng đại khờ bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Đại khờ cho đến lúc buông xả muôn việc thì vọng tưởng sẽ không còn.

Vô minh nghĩa là không hiểu rõ. Góc rẽ của vô minh là ái dục.

Mục đích chủ yếu của sự tu hành là cắt đứt dòng sanh tử, chứ không phải cầu cảm ứng.

Tu hành thì cần phải giữ mình cho trong sạch, như giữ đôi mắt không để dính một hạt cát.

Cờ bạc thì tạo nghiệp nặng. Bỏ thí thì tích lũy công đức. Ngồi Thiền thì trừ ngu si, giúp sanh trí tuệ.

Người tu hành nên cẩn thận lời nói nơi chỗ đông người và phòng hộ tâm niệm khi ngồi một mình. Lúc ở giữa đại chúng, đừng nên nói nhiều. Khi ở riêng một mình nên đề phòng tâm ích kỷ và vọng tưởng. Nếu làm được như thế thì chẳng bao lâu sự tu hành sẽ được chuyên nhất và thấy rõ chân tâm.

Thọ khổ thì dứt khổ. Hưởng phước thì hết phước.

Người chân chánh tu Đạo phải quán xét mọi hành vi, cử chỉ của chính mình. Lúc đi, đứng, nằm, ngồi, chớ rời chánh niệm. Đừng giống như tấm gương, chỉ biết soi mặt người mà không thể tự soi lại bộ mặt thật của mình.

Nếu còn chấp trước thì đó là tâm người thế tục. Nếu xả chấp thì đó là tâm Đạo.

Nếu không muốn chết, phải sống như người đã chết, tức là phải giữ tâm đừng để tham lam, sân hận, si mê nổi lên.

Người học Đạo nhất định phải phát nguyện. Nguyện lực có khả năng thôi thúc chúng ta tiến tu theo Chánh Đạo mà không lạc vào đường tà. Tuy nhiên, phát nguyện mà không hành thì giống như cây có hoa nhưng không đơm trái, thật vô ích!

Dùng lưỡi để thuyết pháp thì tích lũy công đức. Ngược lại, nếu dùng lưỡi để nói chuyện thị phi thì tạo nghiệp xấu. Thay vì thuyết Pháp mà lại nói những lời thị phi vô nghĩa, chính là tạo 1.200 tội lỗi.

Đối với kẻ trong người ngoài, già, trẻ, lớn, bé, sang giàu, hèn hạ, người tu Đạo phải nên dùng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả. Nhờ những tâm hạnh đó mới được cảm ứng./-

HT. Tuyên Hóa

Hạnh bố thí

Theo Vườn Hoa Phật Giáo



Trong vô lượng pháp môn tu theo đạo Phật, bố thí là hạnh tu chủ yếu mà mười phương chư Phật...

Chư vị Bồ Tát dạy chúng ta thực hành, để đem lại ích lợi, đem lại an lạc cho tất cả chúng sanh, ngay trên thế giới ta bà này. Bố thí là hạnh tu hàng đầu trong "*Lục Độ Ba La Mật*", gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Bố thí cũng là hạnh tu hàng đầu trong "*Tứ Nhiếp Pháp*", gồm có: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Người tu tâm dưỡng tánh theo đạo Phật, cần nên biết một cách rõ ràng về hạnh bố thí, để thực hành đúng theo Chánh Pháp, để thực hành một cách liên tục, một cách hoan hỷ, để được phước báu vô lượng vô biên, để đem an lạc và hạnh phúc cho mình và cho mọi người.

* * *

trước hết, bố thí có nghĩa là cho một cách rộng rãi. Cho một cách rộng rãi có hai nghĩa: một là, cho tất cả mọi thứ, đến tất cả mọi người; và hai là, cho với tất cả tấm lòng rộng rãi, không kỳ thị, gọi là "*bát tùy phân*

biệt". Chúng ta sống trên thế gian này gặp nhiều phiền não và khổ đau, từ nhiều nguyên do, trong đó lòng tham lam là yếu tố hàng đầu. Do lòng tham lam, ích kỷ, con người không bao giờ thấy đủ, luôn luôn nghĩ đến bản thân mình. Có được chín đồng con người cố gắng kiếm thêm cho đủ mười đồng, để dành khi hữu sự cần đến, hay để dưỡng lão mai sau. Đến khi đã được chín trăm ngàn rồi, con người vẫn cố làm việc, cố dành dụm, cố đấu tranh, cố giành giật, bắt chấp thủ đoạn, để có nhiều thêm nữa, để thành triệu phú, dù rằng lúc đó tuổi tác đã già nua, gàn đát xa trời, vẫn không thức tỉnh. Đó là lòng tham lam tiền tài, của cải.

Lòng tham danh, háo danh cũng thúc đẩy, sai khiến nhiều ông bà già tiếp tục bon chen trên đường đời, tiếp tục giở những thủ đoạn bất chánh bất lương, những tuyệt chiêu điêu luyện, những kinh nghiệm hại người, để đoạt cho kỳ được, giữ cho thực lâu, các chức vụ hay danh vị nào đó, trong các tổ chức bất vụ lợi trá hình, đôi khi đó chỉ là các chức dỏm, danh hàm, danh hã mà thôi, chẳng có chút giá trị nào cả. Lòng tham lam luôn luôn thúc đẩy con người đấu tranh, giành giật, bắt chấp thủ đoạn, thì làm sao cuộc sống thực sự được an lạc và hạnh phúc? Người hiểu hai chữ "*tri túc*" là người biết an phận với những gì đang có, biết cần kiệm, biết sống một cuộc sống đơn giản, an nhàn, trong sạch, thanh bạch, chính là người được an lạc và hạnh phúc lớn nhất trên đời. Nếu chúng ta không có những gì mình thích, thì chúng ta hãy thích những gì mình đang có. Được như vậy, cuộc đời đâu còn gì gọi là khổ đau.

Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật có dạy:

Tri túc chi nhơn tuy ngoại địa thượng du vi an lạc. Bất tri túc giả thân xử thiên đường diệc bất xứng ý.

Nghĩa là người biết thế nào là đủ, tuy nằm trên đất cũng thấy an vui hạnh phúc. Người không biết thế nào là đủ, tuy thân xác ở trên cảnh giới thiên đường, tâm ý vẫn không thỏa mãn!

Sách cũng có câu:

*Tri túc tiện túc đãi túc hà thời túc.
Tri nhàn tiện nhàn đãi nhàn hà thời nhàn.*

Nghĩa là nếu biết thế nào là đủ thì tức thời thấy đủ, biết thế nào là nhàn thì tức thời thấy nhàn. Như vậy đầy đủ và an nhàn thực ra rất cần thiết, rất quan trọng cho cuộc đời, nhưng chúng ta không bao giờ đạt được đầy đủ và an nhàn, nếu không chịu "*biết đủ, biết nhàn*". Bởi vậy cho nên, Đức Phật dạy pháp bố thí, để dẹp bớt, để dứt trừ lòng tham lam, ích kỷ, đòi hỏi, bòn sẻn, keo kiệt, bần tiện của con người. Hạnh bố thí gồm có ba thứ: tài thí, pháp thí và vô úy thí.

1) Tài thí: Về tài thí có hai phần: nội tài thí và ngoại tài thí. Chúng ta có thể cho những gì bên ngoài thân thể, như là tiền bạc, của cải, cơm gạo, quần áo, thuốc men, vật chất nói chung, gọi là "*ngoại tài thí*". Khi thực hành ngoại tài thí, chúng ta cần chú ý các yếu tố đúng người, đúng thời và đúng lượng. Chẳng hạn, người nào cần tiền bạc, chúng ta giúp tiền bạc, người nào cần thuốc men, chúng ta giúp thuốc men và chỉ giúp lúc cần thiết, với số lượng hợp tình, hợp lý mà thôi.

Nhiều khi giúp đỡ tiền bạc quá nhiều, có thể làm cho người nhận sanh tâm ý lại, sanh

lòng lười biếng, không thích làm việc, không chịu cực khổ, không kham nổi những khó khăn trong cuộc sống, chỉ biết nằm chờ viện trợ từ kẻ khác mà thôi. Nhiều khi giúp đỡ tiền bạc có thể đưa đến chuyện hại người, nếu chúng ta không biết người nhận sẽ sử dụng số tiền đó với mục đích sai lạc, mục đích xấu.

Chúng ta có thể đem cho những gì thuộc về thân thể, thậm mạng của mình, các bộ phận trên cơ thể như: mắt, tim, gan, phèo, phổi, gọi là "*nội tài thí*". Điều này khó thực hiện được khi còn sống, nhưng chúng ta có thể làm được khi vừa mới tắt thở. Có rất nhiều người dù không theo đạo Phật, không hiểu giáo lý đạo Phật, nhưng họ đã ký sẵn giấy cam đoan cho các bộ phận trên cơ thể, hoặc cho luôn thân xác của họ, cho bất cứ ai cần đến, hoặc cho các viện nghiên cứu, để giải phẫu, học hỏi, tìm hiểu, ngay khi họ vừa mới tắt thở. Điều này giúp chúng ta hiểu rằng, trong tận cùng thâm tâm của mỗi con người, "*thiện tâm*" đều giống nhau, ai ai cũng có, không phân biệt con người theo bất cứ tôn giáo nào trên thế gian này.

Ngày nay, chúng ta ít người thực hành nội hạnh bố thí thân mạng như người xưa, nhưng chúng ta có thể dùng thân mạng để làm những việc ích lợi cho người, như công quả trong chùa, góp công sức trong các cuộc lạc quyên cứu giúp người gặp nạn bão lụt, gặp hỏa hoạn, làm việc thiện nguyện giúp người khó khăn, khôn khổ. Thực ra, từ xưa đến nay, trên thế gian này, có biết bao nhiêu người sẵn lòng xả thân cứu người, nhiều khi gặp hiểm nguy đến tánh mạng. Đó cũng gọi là nội tài thí.

*

2) Pháp thí: Về pháp thí có hai nghĩa: một là, đem cho tất cả mọi việc, đem cho tất cả

các pháp trên thế gian này, và hai là, đem cho giáo pháp của Phật, còn gọi là Phật Pháp. Chúng ta có thể cho tất cả những gì không thuộc phần nội tài thí và ngoại tài thí nói trên. Chẳng hạn như chúng ta có sở học, có kiến thức, có sự hiểu biết về một vấn đề nào đó, về một phương diện nào đó, về một ngành nghề nào đó, chúng ta có thể đem ra chỉ bảo, hướng dẫn, truyền dạy, giúp đỡ cho người, một cách bất vụ lợi, không mong cầu báo đáp, không kể lễ ơn nghĩa. Việc này bất cứ ai cũng có thể làm được, không tốn đồng xu các bạc, chỉ cần tấm lòng vị tha, chỉ cần tấm lòng thực sự "vì người quên mình" mà thôi.

Đối với hàng tu sĩ xuất gia, hay cư sĩ tại gia, có học hiểu và thực hành giáo pháp của Phật, đem ra giảng giải cho mọi người được biết, để áp dụng, để xây dựng cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời, giúp mọi người hiểu được chân lý, để giảm bớt phiền não và khổ đau. Theo nghĩa này, pháp thí là điều quan trọng hơn cả. Tại sao vậy? Bởi vì, khi chúng ta giúp người về vật chất, như tiền bạc, cơm gạo, có thể làm cho người được qua cơn khó khăn trong ngắn hạn, trong một thời gian nào đó mà thôi. Khi chúng ta giúp người về tinh thần, như dạy chữ, dạy nghề, hướng dẫn cách sống đúng phép vệ sinh chẳng hạn, có thể làm cho người được qua cơn khó khăn, trong một thời gian nào đó, thậm chí có thể giúp họ sống vui, sống khỏe trọn một đời này mà thôi.

Còn nếu chúng ta có học hiểu và thực hành giáo pháp của Phật, còn gọi là Phật Pháp, đem ra giảng giải cho mọi người được biết, để áp dụng trong cuộc sống, chẳng những có thể giúp con người sống an lạc và hạnh phúc ngay hiện đời, ngay kiếp này, cao hơn nữa là giúp con người được giác ngộ và giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi khổ đau, vĩnh

viễn muôn kiếp. Bởi vậy cho nên, Đức Phật dạy hàng Phật Tử tại gia "*pháp cúng dường*" chư Tăng Ni, để các vị xuất gia không phải lo chuyện sinh sống, yên tâm tu hành thanh tịnh, chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, rồi đem ra giảng giải cho mọi người được biết, được hiểu một cách rõ ràng, để áp dụng tu hành theo đúng Chánh Pháp. Pháp cúng dường như vậy là thanh tịnh nhất, dành cho các bậc chân tu thanh tịnh. Đó là một dạng khác của sự bố thí.

Tuy nhiên, không phải giáo pháp luôn luôn cần hơn cơm gạo, hoặc ngược lại, không phải cơm gạo luôn luôn là ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống. Trong kinh sách, gọi đó là "*tùy duyên*", nghĩa là tùy theo trường hợp, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo con người. Trong một buổi Đức Phật thuyết pháp, có một người nghèo khó đến dự. Đức Phật liền bảo dọn cơm cho người đó ăn, xong rồi mới giảng pháp cho nghe sau. Khi nghe xong thời pháp đó, người nghèo khó ngộ đạo, chứng ngay quả tu đà hoàn, phát tâm qui y Tam Bảo. Do đó, ngày nay chúng ta có câu "*có thực mới vực được đạo*", nghĩa là phải được tạm no lòng, mới hy vọng hiểu được đạo lý cao siêu. Chúng ta không thể đem giáo pháp cao siêu ra giảng dạy cho những người đang đói khổ, đang cần cơm gạo trước hết. Cũng như không thể đem giáo pháp tối thượng dạy ngay cho người sơ cơ, mới học đạo. Nhu cầu tại thế gian của con người đi từ vật chất đến tinh thần, rồi sau đó mới bàn đến chuyện tâm linh xuất thế gian.

3) Vô úy thí: Về vô úy thí thì có nhiều nghĩa rộng rãi, cao siêu hơn. Vô là không, úy là sợ, thí là cho. Vô úy thí là đem cho sự không sợ hãi. Hay nói cách khác, vô úy thí là làm sao giúp đỡ cho con người bớt sự lo âu, giảm thiểu phiền muộn, hay không còn sợ hãi. Con người sống trên thế gian này có rất

nhiều điều lo lắng, âu sầu, phiền muộn, hay sợ hãi. Nào là sợ thiếu tiền, sợ thiếu ăn, sợ thiếu mặc, sợ bệnh hoạn, sợ thiên tai, sợ mất công ăn việc làm, sợ mất hạnh phúc gia đình, sợ đủ-mọi-thứ-chuyện trên trần đời. Nhưng nỗi lo sợ lớn nhất của con người chính là sợ chết! Tự cổ chí kim, từ người nghèo hèn cho đến người sang trọng, từ người bình dân cho đến người học thức, từ người trẻ cho đến cụ già, từ người thường dân cho đến vua quan hay hàng quý tộc, từ giới phàm phu tục tử cho đến các bậc hiền triết thánh nhân, nào có ai tránh được cái chết đâu, mặc dù con người vốn tham sinh úy tử, ham sống sợ chết!

Con người thường hay nghĩ "*đời còn dài*", cho nên chỉ bận tâm đến chuyện mưu sinh, chuyện tranh danh đoạt lợi, chuyện đấu tranh tranh đấu, chuyện hơn thua thị phi, đúng sai phải quấy, đủ thứ chuyện linh tinh lang tang. Đến khi sắp từ giã cuộc đời, mới giật mình tỉnh giấc, thì đã quá muộn màng! Thực ra, con người có thể chết bất cứ lúc nào, bất cứ cách nào, bất cứ nơi nào. Vô úy thí có nghĩa là giúp người qua cơn sợ hãi mọi thứ, bớt sự lo lắng mọi điều, trong tâm trí, qua các biến cố, trước các điều hiểm nguy, và còn có nghĩa là: chúng ta không nên gây ão phiền, không nên gây bực dọc cho bất cứ ai, để yên cho mọi người được sống cuộc đời an vui, yên ổn, dù cho họ là người thân hay kẻ thù. Đó chính là tâm lượng "*bất tùy phân biệt*".

Còn đối với sự sợ chết, chúng ta khuyến hóa mọi người tu hành, cầu đạo giải thoát. Bởi vì chỉ có giáo pháp của Đức Phật mới có thể chỉ bày cho con người hiểu rõ ràng, tường tận "*pháp vô sanh*", tức là chỉ dạy đường lối tu hành để giải thoát khỏi mọi thứ phiền ão và khổ đau, không còn sanh tử luân hồi nữa. Đạo Phật không phải chỉ có hình thức cúng

kiến, lễ lạy, cầu nguyện mà thôi. Thực hành hạnh vô úy thí còn có nghĩa là giúp chúng sinh khắc phục tư tưởng khiếm nhược, sợ hãi, tự ti mặc cảm yếu hèn, giúp chúng sinh hiểu được điều Đức Phật giác ngộ dưới cội cây bồ đề và giảng dạy trong tam tạng kinh điển. Điều đó chính là: Tất cả chúng sanh ai ai cũng đều có Phật tánh như nhau, tất cả đều bình đẳng, và tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật, giải thoát mọi khổ đau phiền ão, nếu biết tu tập thực hành đúng Chánh Pháp.

Trong các kinh điển Phật giáo, đó là bốn bước: khai, thị, ngộ, nhập. Nghĩa là Đức Phật khai mở cánh cửa giải thoát, chỉ thị cho con người thấy được, hiểu được thế nào là pháp vô sanh. Sau đó, giúp cho con người làm sao giác ngộ được pháp vô sanh và chỉ rõ đường lối tu hành làm sao chứng nhập được pháp vô sanh. Đó chính là "*con người chân thật bất sanh diệt*" của tất cả chúng ta, chứ chúng ta không phải là cái xác thân giả tạm đang có này. Chúng ta cần nên biết rằng: Con người sở dĩ sợ chết, bởi vì con người sợ mất cái thân tứ đại mấy chục ký lô giả tạm này, cứ tưởng đó là mình, mà không hề biết mình có cái không hề chết, không hề bị diệt mất, cái đó chính là "*con người chân thật bất sanh diệt*" của tất cả chúng ta vậy.

Chúng ta biết rằng khi thọ hưởng một tài sản hay của cải, vật chất nào, không nên chỉ dùng cho riêng mình. Chúng ta nên bố thí ra, chia xẻ với mọi người, để tạo an vui cho những người chung quanh và cũng tạo an vui cho chính chúng ta nữa. Cái gì chúng ta ăn, chỉ được nhứt thời. Cái gì chúng ta tích trữ, dành dụm, chỉ được nhứt đời mà thôi, chắc chắn chúng ta sẽ bỏ lại tất cả khi ra đi. Nhưng tất cả những gì chúng ta cho ra, những gì chúng ta bố thí, sẽ trở lại với chúng ta, dưới dạng phước báo, quả báo lành, sự

bình an, sự may mắn, giúp chúng ta được tai qua nạn khỏi. Chứ thực sự không có chúa trời, không có ngọc hoàng thượng đế hay đức Phật nào, vì lòng riêng tư, mà đến cứu giúp, theo lời van xin cầu khẩn của chúng ta cả. Nói cách khác, cái gì chúng ta đã tiêu xài, bây giờ không còn nữa. Cái gì chúng ta đã mua sắm, bây giờ phải để lại cho người khác, khi ra đi. Chỉ có cái gì chúng ta "đã cho, đã bố thí" với lòng từ bi, là vẫn còn "thuộc về chúng ta" khi từ già cõi đời. Đó chính là nghiệp lành, là phước báo, là quả báo tốt, là sự may mắn, luôn luôn theo cùng với chúng ta như hình với bóng. Danh ngôn Tây Phương cũng có câu: "If you continually give, you will continually have".

Trong Kinh Địa Tạng, phẩm thứ mười, khi Bồ Tát Địa Tạng từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính và bạch Phật rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn, con xem chúng sanh trong nghiệp đạo, so sánh công đức bố thí, hiệu quả có sự nhiều ít khác nhau, có người được hưởng phước một đời, có người được hưởng phước mười đời, có người được hưởng phước hàng trăm, ngàn đời, lợi lạc lớn lao. Tại sao như thế, cúi xin đức Thế Tôn từ bi giảng trạch cho chúng con được biết".

Đức Phật dạy tóm lược như sau:

"Bất cứ ai gặp những người già yếu, bần cùng, hèn mạt, tàn tật, câm ngọng, đui mù, ngây điếc, không được toàn vẹn, mà tự tay đem bố thí với lòng từ bi, thương xót, dùng lời mềm mỏng an ủi họ tử tế, khiến cho họ được an ổn, vui vẻ, thì được hưởng phước báo vô lượng. Tuy nhiên, nếu làm được những việc thiện như thế mà đem hồi hướng cho pháp giới chúng sanh thì những người làm công đức ấy được hưởng những sự vui

sướng nhiệm mầu hàng trăm ngàn đời, nếu đem công đức ấy hồi hướng cho quyến thuộc nhà mình, hay muốn tự mình hưởng những lợi ích, thì ba đời được vui vẻ, làm một phần thì được hưởng vạn phần".

Tại sao vậy? Bởi vì những người làm phước đó đã phát tâm rộng lớn đem "hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh", không cứ công đức ít nhiều, không dành riêng cho mình và người thân của mình, đó chính là những người đã "diệt được lòng tham", cho nên được sự "giải thoát hoàn toàn", cho nên được hưởng quả "phước báo lớn lao" như vậy. Còn những người chỉ phát tâm hạn hẹp, chỉ muốn đem công đức ấy hồi hướng cho người thân, hay cho chính mình mà thôi, họ sẽ được hưởng quả phước báo hạn chế hơn, tùy theo tâm lượng còn nhỏ hẹp của chính mình.

Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật có dạy:

"Nhược Bồ Tát u pháp, ưng vô sở trụ hành u bố thí. Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Bồ Tát ưng như thị bố thí, bất trụ u tướng. Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lượng".

Nghĩa là nếu chúng ta không chấp bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, và không chấp sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà thực hành hạnh bố thí, thì phước đức không thể nghĩ, không thể lường được.

* **Không chấp bốn tướng:** ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, có nghĩa là khi thực hành hạnh bố thí, chúng ta không nên thấy có mình là người cho, để cầu mong được báo đáp, được cảm ơn, được tán thán, chúng ta không nên thấy có người nào là kẻ nhận

sự bô thí đó, để kê lê chuyện ơn nghĩa, chúng ta không nên thấy có bao nhiêu người đã nhận sự bô thí đó, để khoe khoang, và chúng ta cũng không nên thấy có vật gì, điều gì đã được đem cho, để khởi tiếc nuối về sau, có khi tiếc của, muốn đi đòi lại! Nếu được như vậy, sau khi thực hành hạnh bô thí, chúng ta sẽ an trụ được tâm của chúng ta. Chúng ta sẽ không bực dọc khi gặp những người bội bạc, không biết ơn, thậm chí còn trở mặt với chúng ta nữa. Lòng từ bi của chúng ta cũng không bị hạn chế, khi không còn nhớ là đã bô thí bao nhiêu tiền của, đã bô thí cho bao nhiêu người, đã dành bao nhiêu thời giờ để làm hạnh bô thí đó.

Muốn hàng phục được tâm ý của chính mình, chúng ta phát nguyện độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được độ. Bô thí xong rồi thì thôi, đừng nhớ nghĩ gì nữa. Khi chúng ta xả bỏ được hết tất cả vọng niệm, tức là chúng ta đã thực hành hạnh bô thí ở mức độ cao nhất, mà ít người hiểu được. Hàng phục được tâm ý của chính mình thì mau tiến đến chỗ giải thoát, cho nên Đức Phật dạy phước đức không thể nghĩ, không thể lường được, chính là nghĩa đó vậy.

* **Không chấp sáu trần:** sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp, mà thực hành hạnh bô thí, có nghĩa là chúng ta không chấp vào sắc tướng dễ nhìn hay khó nhìn, không chấp vào âm thính dễ nghe hay khó nghe, không chấp vào mùi hương dễ ngửi hay khó ngửi, không chấp vào mùi vị dễ nếm hay khó nếm, không chấp vào xúc chạm dễ chịu hay khó chịu, không chấp vào sự việc, ý tưởng vừa ý hay không vừa ý, thích hay không thích, ưa hay ghét. Sở dĩ tâm ý của chúng ta thường hay loạn động, bởi vì chúng ta thường hay dính mắc với sáu trần. Hễ mắt thấy bất cứ sắc gì thì liền khởi vọng niệm phê phán đẹp hay

xấu, hễ tai nghe bất cứ tiếng gì thì liền khởi vọng niệm phê phán êm dịu hay chói chói, hễ mũi ngửi bất cứ mùi gì thì liền khởi vọng niệm phê phán thơm quá hay thúi quá, hễ lưỡi nếm bất cứ vị gì thì liền khởi vọng niệm phê phán ngon quá hay dở quá, hễ thân xúc chạm bất cứ vật gì thì liền khởi vọng niệm phê phán mát mẻ mịn màng hay nhám nhúa như nhóp, hễ ý nhớ tưởng bất cứ chuyện gì thì liền khởi vọng niệm phê phán hài lòng hay bực bội. Cứ như thế, cả ngày, suốt tháng, quanh năm, tâm của chúng ta luôn luôn bất an, loạn động.

Chúng ta thực hành hạnh bô thí còn có nghĩa là chúng ta buông xả hết các vọng niệm, các tạp niệm, để an trụ tâm, để thanh tịnh tâm thì mau tiến đến chỗ giải thoát. Cho nên Đức Phật dạy thực hành được hạnh bô thí như vậy, thì phước đức không thể nghĩ, không thể lường được. Chúng ta thực hành hạnh bô thí với tâm lòng rộng rãi, với tất cả tâm lòng từ bi, cung kính, không cầu danh lợi, không cầu báo đáp, không vì hơn thua, không mê hoặc lòng người, không chọn lựa món xấu đem cho, món tốt giữ lại, tức là không trụ sắc; cho rồi không cần nghe lời khen, tiếng cảm ơn, tức là không trụ thính, v.v.. và của đem bô thí phải thanh tịnh, chơn chánh; người nhận bô thí phải được tôn trọng, bình đẳng, phải được cảm ơn! Đó chính là sự bô thí thanh tịnh, trong sáng, "*bát tùy phân biệt*" nam phụ lão ấu, người tu hay người đời, đẳng thí vô sai biệt, phổ đồng cúng dường, thượng cúng thập phương chư Phật, chư hiền thánh nhơn, hạ cập lục đạo phàm, cho nên đem lại phước báo vô lượng vô biên, cho nên trong kinh sách gọi là "*bô thí ba la mật*".

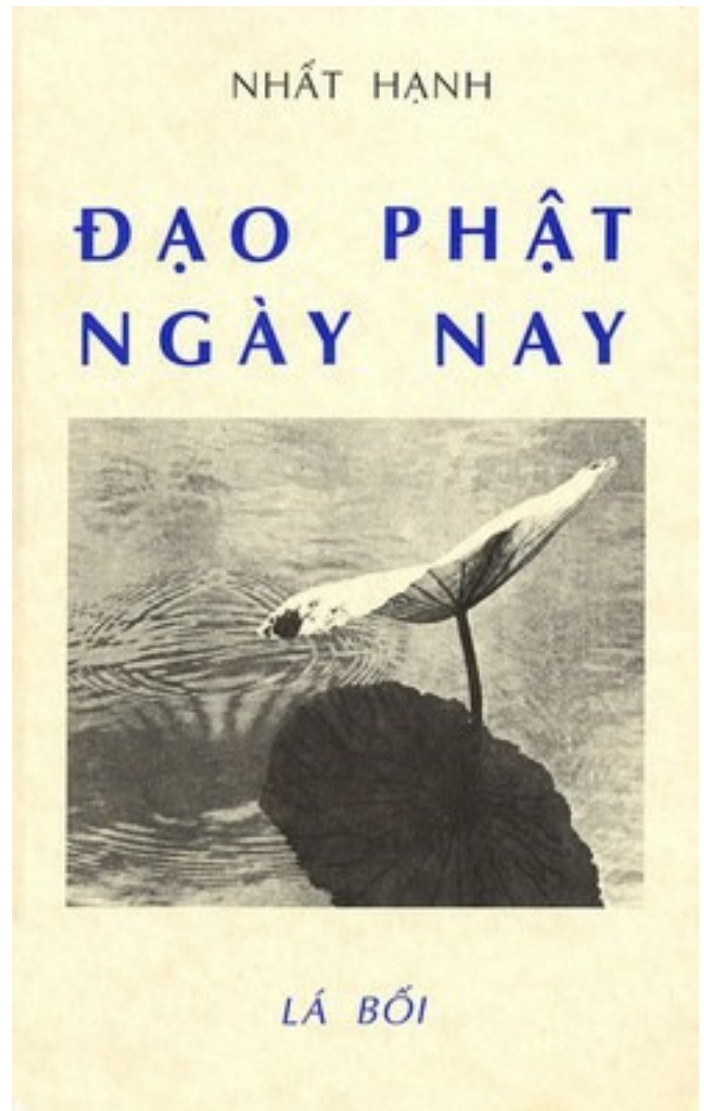
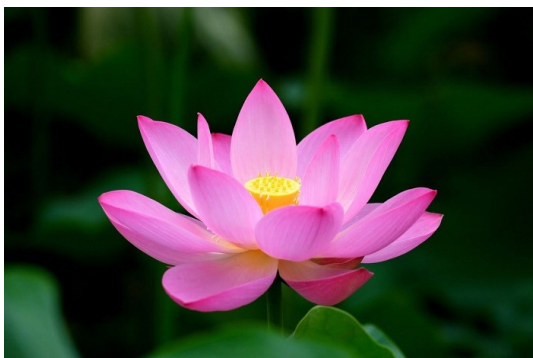
Tại sao chúng ta phải tu hạnh bô thí? Chúng ta tu hạnh bô thí là kiến tạo một kho tàng

phước báu, là tu tập nghiệp lành. Bồ thí tiêu trừ đau khổ, làm cho tâm trí được an vui, thanh thoi, hạnh phúc. Tu hạnh bồ thí được người thương mến, dễ thu phục lòng người, phát triển lòng từ bi. Tu hạnh bồ thí là gốc rễ của tất cả các thiện pháp. Bồ thí là pháp tu, hạnh tu mà những người kém phước đức và trí huệ cần noi theo. Chư vị hiền thánh như kim cồ đều trải qua các hạnh tu bồ thí.

* * *

Tóm lại, nhờ tu hạnh bồ thí chúng ta diệt được lòng tham lam ích kỷ ở tự tâm, thể nhập tự tánh bình đẳng, đại từ đại bi, đem lại sự no ấm, thoát khổ đặng vui, đều nhờ công năng tài thí. Chúng ta cũng có thể phát triển chánh trí, phá trừ vô minh, si mê, thể nhập chân lý, đem lại bình tĩnh, cởi mở sự lo buồn sợ hãi, khiến chúng sanh được sống thanh thản, tự tại, đó là nhờ công năng của pháp thí và vô úy thí.

Hạnh bồ thí là nền tảng của các nghiệp lành, nghiệp thiện, giúp con người sống trong chánh đạo, dẹp bỏ được tam độc: tham lam, sân hận, si mê. Pháp môn này, nói chung, mọi người ai ai cũng có thể thực hành được, nhưng muốn thực hành cho đến mức độ cao thâm, rốt ráo tột cùng, gọi là "*ba la mật*", chúng ta phải phát tâm Bồ đề kiên cố, dũng mãnh, bất thoái chuyển, tức là phát tâm lượng của các bậc Bồ Tát và Đại Bồ Tát vậy.



Trước hết tôi xin phép được nói quan niệm của tôi về vấn đề học Phật. Trong giới Phật tử, ai cũng biết rằng đạo Phật không phải là từ trên trời rơi xuống mà chính lại là được phát hiện trong lòng sự sống của nhân loại. Đạo Phật xuất hiện trong nhu cầu của nhân loại, tồn tại vì nhân loại, đề phụng sự cho nhân loại. Bởi vậy cho nên chúng ta đừng quan niệm rằng đạo Phật là một kho tàng tri thức và lý thuyết cứng đống. Đạo Phật ra đời vì sự sống của nhân loại nên cũng linh động như sự sống của nhân loại. Ta không thể tách rời đạo Phật ra khỏi sự sống, bởi chính đạo Phật là sự sống. Nếu ta quan niệm đạo Phật như một kho tàng tri thức và lý thuyết

cứng đơng thì tức là ta đã xem đạo Phật như những chén bát cổ trưng bày ở tàng cổ viện. Những chén bát cổ ấy biểu hiện một vài khía cạnh sinh hoạt của con người cổ, nhưng không có tác dụng gì trên sinh hoạt của con người ngày hôm nay. Chúng ta hãy nhìn đạo Phật trong lịch sử văn hóa nhân loại, hãy nhìn nhận sự có mặt của đạo Phật trong suốt cuộc sống nhân loại, cũng như hãy nhìn nhận sự hiện diện của đạo Phật trong sự sống của nhân loại hôm nay. Đạo Phật là tất cả những sinh hoạt của nó, những biểu hiện trên suốt lịch sử nhân loại, chứ không phải chỉ là một ít sinh hoạt biểu hiện trên một bối cảnh kinh tế, xã hội, chính trị của một khoảng thời gian mấy chục năm hồi đức Phật còn tại thế.

Học Phật không phải là đi thăm những đồ cổ trong tàng cổ viện để rồi ra khoe với mọi người rằng những đồ cổ ấy đẹp như thế này, quý như thế kia. Học Phật là tìm biết vai trò của đạo Phật trong suốt lịch sử của sự sống nhân loại, những đóng góp của đạo Phật trong văn hóa nhân loại, những luồng sinh khí mà đạo Phật đã thổi vào trong đà tiến hóa của nhân loại. Khi có được một nhận định có tính cách sử quan như thế rồi, chúng ta mới có thể tiếp nhận được sức sống rào rạt mà đức Phật đã trao truyền cho chúng ta qua hai mươi lăm thế kỷ sinh hoạt linh động. Tiếp nhận được sự sống ấy, ta mới ý thức được sứ mạng của chúng ta, sứ mạng của người Phật tử trong xã hội ngày nay, mới tiếp nối được dòng sinh hoạt Phật giáo.

Tôi đã từng gặp nhiều người học Phật lâu năm. Họ có thể thuộc lòng bộ Phật giáo Bách khoa Tự điển. Họ có thể giải thích cho ta về bất cứ một câu một chữ nào trong Tam tạng. Họ chất chứa trong óc họ những *cái biết* rất bác học. Nhưng họ không hiểu gì cả. Họ không hiểu đạo Phật là gì cả. Lý do là tôi không thấy những kiến thức của họ về đạo

Phật có dính líu gì đến sự sống của chính bản thân họ, và của đoàn thể họ. Họ không tiếp nhận được đạo Phật, không tiếp nhận được sinh khí của đạo Phật : họ chỉ mân mê trong tay của họ những cái *xác cũ* của đạo Phật mà thôi. Họ chỉ ưa đi xem đồ cổ trong tàng cổ viện. Cái học của họ giống như cái học khảo cổ nhưng còn tệ hơn cái học khảo cổ ở chỗ cái học của họ không có một triển vọng nào khác hơn là để... nói và nói. Cái học đó vô ích.

Cho nên ta không ngạc nhiên lắm khi thấy có người khi nói thì chỉ nói những điều rất “siêu” mà khi làm thì lại hành động như một kẻ chưa bao giờ biết đến đạo Phật là gì. Học theo kiểu ấy, tôi tưởng tốn công, tốn thì giờ mà vô ích quá. Hậu quả của cái học ấy là sự nói “đốc” – tôi xin lỗi vì đã dùng chữ này, vì không kiếm được chữ nào nhã hơn – một hậu quả chẳng có gì là đẹp để cho tương lai đạo Phật. Vì vậy, tôi nghĩ rằng ta phải học Phật với tâm trạng của một con người thao thức đi tìm lẽ sống, với tâm trạng một nhà mỹ thuật đi tìm cái đẹp, với tâm trạng của một bệnh nhân đi tìm lương y. Với những tâm trạng ấy, ta chắc chắn sẽ đạt tới nhiều khám phá mới lạ.

Không ai không nhận thấy rằng hiện giờ đang có một phong trào học Phật. Giới Tăng sĩ và giới tín đồ lo học hơn bao giờ hết. Các nhà Nho xưa cũng ưng học Phật. Các cậu bé chín mười tuổi cũng được học Phật. Người ta học Phật ở mọi nơi, ở Phật học viện, ở các chùa, các niệm Phật đường, các trường Bồ Đề tu thực, ở các cuộc cắm trại của Gia đình Phật tử, trong các trường Sĩ quan, trong các đơn vị Quân đội, trong các trại Hướng đạo sinh, ở các nhà thương, trường học, dưỡng trí viện, cô nhi viện. Cả đến trong các lao xá cũng thỉnh thoảng có những buổi giảng diễn và thuyết trình về đạo Phật. Các nhật báo lẻ tẻ cũng có phụ trương Phật học, các tạp chí

thường đăng tải các thiên khảo cứu Phật học. Cả đến các vị Linh mục cũng học Phật. Các giáo phái không phải Phật giáo cũng có học Phật. Các giáo phái không phải Phật giáo cũng có học Phật. Thật chưa bao giờ có một phong trào học Phật hăng hái như bây giờ. Người đọc nhiều, người nghe nhiều cho nên người viết và người giảng cũng nhiều. Nhưng chúng tôi nhận thấy mỗi người có một ý hướng, một mục đích và một phương pháp khác nhau. Chưa có một nhận định hợp lý về mục đích và về phương pháp khả dĩ để cho chúng ta thu hoạch được những ích lợi trực tiếp và toàn vẹn về phong trào học Phật của chúng ta. Bởi vậy, chúng tôi nghĩ rằng bây giờ chính là lúc chúng ta nên xét lại mục đích và phương pháp học Phật để cho cái học của chúng ta có thể phục vụ được cho sự sống và cho lý tưởng chúng ta một cách thực tiễn.

Hãy đặt lại những câu hỏi thật giản dị. Học Phật để làm gì? Người Phật tử trả lời: để biết chủ trương và phương pháp của đạo Phật mà hành trì, tự độ, độ tha. Chúng tôi đồng ý. Bởi vì câu trả lời ẩn chứa ý thức *muốn hiểu, muốn thấy và muốn làm*. Nhưng đã có bao nhiêu người trả lời như thế mà không đạt được mục đích như thế. Bởi vì họ đã trả lời để mà trả lời, chứ không phải đã trả lời với một tâm trạng thao thức, thành khẩn. Tôi thấy có người (kể cả một số ít các vị Tăng sĩ) học là để học, học vì nhận thấy bồn phận của mình phải học. Tâm trạng mà như thế thì kết quả sẽ ra sao? Có những người đi qua rừng trầm hương mà không thấy được một cây trầm. Những vị kia đã (sẽ) đi qua khu rừng châu ngọc, dậm đạp lên châu ngọc châu ngọc mà không thấy châu ngọc. Hoặc giả bọc trong vạt áo những châu ngọc mà mình không biết là châu ngọc, không một chút thiết tha về những châu ngọc này. Trong trường hợp đó, người học không thành công.

Lại có những người học Phật để đạt đến mục đích rất giản dị là... trở thành một nhà Phật học. Người ta đã nghe nói nhiều về triết học cao siêu của đạo Phật, rất ưa nghe về nền triết học cao siêu đó. Họ muốn nghe và cố nhiên họ sẽ tỏ ý thán phục những người nào nói được cho họ nghe, và nhất là nói hay. Tôi đã thấy những người đi xa về nhà nói dốc (ây, tôi cứ quen dùng cái chữ này mãi) và rất thích khi thấy làng xóm há mồm nghe mình tán hươu tán vượn về những điều mình đã thấy ở xứ người. Nói là một khoái cảm. Được người ta nghe là một khoái cảm. Cho nên có nhiều người chỉ học Phật với mục đích là để nói lại cho người khác nghe. Như chúng ta đã biết, chính bản thân của người nói đã không tiếp nhận được sinh khí của đạo Phật thì những người nghe kia làm sao mà thừa hưởng được một chút gì của sinh khí đạo pháp cho được. Trong trường hợp này, người học cũng không thành công.

Có hai trường hợp khác mà chúng ta không cần bàn luận đến nhiều là trường hợp cái học từ chương và cái học với mục đích để xuyên tạc và kích bác. Cái học từ chương chẳng làm nên trò trống gì, điều đó mọi người đều biết. Cả một nền Nho giáo suy diệt vì cái học từ chương. Trước kia thì không nói, chứ bây giờ cái học Phật theo lẽ lối từ chương là một cái học vô ích trông thấy. Còn cái học để mà xuyên tạc kích bác thì thời nào và ở đâu mà chẳng có. Bởi sẵn mang một tâm niệm xấu xa như thế người học làm sao tiếp nhận được cái hay của đạo Phật? Thành kiến mê vọng đã khiến cho người ta, sau một thời nghiên cứu sách Phật bằng tiếng Tàu, tiếng Tây kết luận rằng *đạo Phật phủ nhận sự sống, đạo Phật không có từ bi*, khi một em bé mười tuổi đã có thể thấy được sức sống rạo rạt của đạo Từ bi trong chính gia đình em, xã hội em và ngay cả trong tâm niệm của chính em nữa.

Ta biết nói làm sao ? Chỉ một thái độ, một tâm trạng thôi cũng đủ để quyết định sự thành công hay không thành công của người học Phật. Đạo Phật là một thực tại linh hoạt chứ không phải là một xác ướp như chúng ta đã biết. Muốn hiểu được đạo Phật ta phải *xúc tiếp* với thực tại ấy, nghĩa là phải thể nhập thực tại ấy, phải học Phật bằng những phương pháp của chính Phật học.

Như thế nghĩa là thế nào ? Chân lý Phật học có tính cách thực nghiệm tâm linh, linh động, vô tướng. Nó cũng giả tử như cái khả năng viết chữ của bàn tay chúng ta. Nếu cắt bàn tay và mổ xẻ bàn tay ấy một cách khoa học đến thế nào đi nữa thì ta cũng không thấy được cái khả năng màu nhiệm kia mà còn làm mất nó nữa là khác. Ta sẽ thất vọng vì trước mắt ta chỉ có cái xác Phật học. Phạm Quỳnh, Phan Văn Hùm, Louis de la Vallée Poussin chẳng hạn. Linh mục Trần Thái Đĩnh chẳng hạn, đã viết mấy bài khảo luận về đạo Phật, ai cũng nhận là công phu và không thiên lệch, chủ quan. Tôi cũng thấy Linh mục Đĩnh viết rất công phu. Nhưng tôi lại không thấy được cái gì là đạo Phật trong những bài ấy cả. Nói cho đáng, tôi cũng đã đọc nhiều về Phật giáo nguyên thủy, đã nhiều lượt tụng đọc bốn bộ Nikaya, và đã chú trọng nhiều đến kho văn học Abhidhamma của Nam phương Phật giáo. Linh mục Đĩnh đối chiếu, so sánh, nhận xét triết học đạo Phật với những triết thuyết khác một cách tỉ mỉ; bài của Linh Mục đây đây những danh từ triết học và Phật học, mà kỳ lạ, tôi vẫn không thấy trong các bài ấy cái không khí của nền đạo học và triết học mà trong đó tôi đã sống, đã thở từ gần hai mươi năm nay. Tôi có cảm tưởng Linh mục phân tích một cái xác Phật học cứng đờ và dù cố gắng, cái sinh khí của Phật học vẫn không ôp đồng về nhập vào ngòi bút của Linh mục.

Tôi là người tu hành theo đạo Phật, xuất gia

từ hồi còn thơ. May mắn tôi cũng được học qua về các tông giáo, nhưng tôi không bao giờ dám có ý tưởng rằng mình có thể nói không sai lầm về một tông giáo khác như Thiên Chúa giáo chẳng hạn. Bởi vì tôi suy nghĩ ngay vào trường hợp của chính tôi. Càng đi sâu vào sự thực nghiệm tâm linh – thiền quán – bao nhiêu, tôi càng hiểu về đạo Phật một cách thâm thúy bấy nhiêu. Tôi thấy lý luận hình thức, căn cứ trên danh ngôn và văn tự, không đưa tôi đến sự thấu hiểu sâu xa được. Thỉnh thoảng nếu có những tổ chức văn hóa mời nói, tôi cũng chỉ nhận nói về đạo Phật tức là nói về phần mà tôi tự cho là có sở đắc vững vàng hơn hết. Nhưng nếu có nói thì tôi cũng rất ít lý luận. Tôi chỉ trình bày sinh hoạt tâm linh của tôi, trình bày đạo Phật qua sinh hoạt tâm linh tôi. Nhờ lối trình bày ấy mà tôi đã thành công một vài lần trong sự trao truyền một chút ít sinh khí đạo pháp cho người nghe. Lý luận bao nhiêu, tôi làm chết đạo pháp bấy nhiêu. Đến như khi tôi viết mấy trang này đây, tôi cũng có cảm tưởng rằng tôi đang phơi bày tâm hồn tôi, chứ không phải là tôi đang lý luận để chinh phục quý vị độc giả.

Vậy thì, thưa quý vị, tôi có thể kết luận rằng theo thiên ý, muốn đạt đến kết quả của sự học Phật, ta phải thành khẩn, không có tư ý, không thiên lệch, không hình thức, và cốt nhất là phải học Phật theo những phương pháp của chính Phật học. Phải làm sao tiếp xúc với thực tại linh hoạt của đạo Phật, phải tiếp nhận cho được luồng sinh khí tiếp nối từ đức Phật qua hai mươi lăm thế kỷ truyền thừa, chứ không phải chỉ là lược lật, chất đống và phân tích những cái xác Phật học không hồn kết cấu bằng danh từ, bằng tài liệu.

(Còn tiếp)

HƯ HƯ LỤC

Thích Nữ Như Thủy

Chiếc Lu Vô Tận

Xưa, có một chú tiểu phu cần cù chất phác rất tốt bụng và nghèo ơi là nghèo.

Bụt thương tình, ban cho chàng một chiếc lu kỳ diệu. Sau khi chỉ dẫn cách sử dụng cái lu cho chú tiểu, Bụt biến dạng sau một đám mây lành.

Chú tiểu mừng lắm, mang chiếc lu về giấu trong buồng và bỏ vào đó một đồng tiền nhỏ, số tiền bán củi độc nhất trong ngày.

Sáng hôm sau, chú lấy đồng tiền ấy ra mua gạo thì một đồng tiền khác xuất hiện ở đáy lu. Những đồng tiền không bao giờ chấm dứt và nhờ vậy cuộc sống của chú dễ thở hơn, dù mỗi ngày, chú chỉ xin cái lu vồn vện có một đồng tiền.

“Không nên lạm dụng lòng tốt của Bụt,” chú tiểu thật thà nghĩ và làm thế.

Những tưởng chỉ có chú tiểu và Bụt biết chuyện cái lu, nào ngờ “nhà có ngạch, vách có tai,” câu chuyện kỳ diệu này lan truyền khắp nơi và đến tai ông bá hộ trong vùng.

Với uy quyền sẵn có, ông phú hộ đoạt cái lu của chú tiểu một cách dễ dàng. Ông cho dấu chiếc lu trong phòng kín và hối hả gom góp vàng bạc đang trữ giấu rải rác về để trút hết vào lu.

Trong lúc ông bà phú hộ đang vội vã vận

tải vàng bạc vào phòng thì cậu ấm Tèo, đứa con trai cưng độc nhất của họ đang nô đùa với bạn bè. Bọn trẻ đang chơi trò đi trốn đi tìm... Và cu Tèo chợt khám phá ra chiếc lu là một chỗ nấp tuyệt diệu, thằng bé liền chui tọt vào lu.

Nhưng vào thì dễ... ra mới khó... Mãn cuộc chơi, Tèo vẫn chưa ra khỏi chiếc lu. Cu cậu la khóc âm ỉ.

Nghe tiếng con khóc bà phú hộ vội chạy đến bên cái lu và nhất bồng thằng bé ra. Vừa đặt cậu con xuống đất, bà lại thấy thêm một thằng cu nữa, giống hệt thằng trước đứng trong lu la khóc inh ỏi...

Và cứ thế, mãi đến lúc bà nhắc thằng cu thứ 100 ra thì cái lu, sau cái đạp chân quá mạnh của thằng bé, vỡ đôi. Sự kỳ diệu liền chấm dứt.

Từ ngày đó, ông bà phú hộ vì phải nuôi đến 100 cậu quý tử giống nhau như tạc, nghịch ngợm và đòi ăn suốt ngày nên họ trở thành sa sút, nghèo nàn khổ sở còn hơn là anh chàng tiểu phu họ.



Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368